

Trích

TÔI ĐI TÌM CHA

Tìm cha, gặp mẹ

Viết về cuộc đời và sự nghiệp của ba tôi là một việc làm đầy thử thách. Khi ba tôi bị chính quyền thực dân Pháp ở Sài Gòn bắt và đày ra Côn Đảo năm 1940, tôi chỉ mới lên 2, tuổi còn non nớt, không có một chút hình ảnh gì về người cha của mình trong đầu. Mãi đến lúc 6 tuổi, khi ông mãn tù về, tôi mới được biết mặt ông. Nhưng chẳng được bao lâu thì “cha con lại vội xa nhau.” Những lúc ngồi nghĩ đến ba tôi, tôi thường bị dòng chữ ngắn ngủi này ám ảnh, vì chính đó là lời trần trối của ông, trước khi bị Việt Minh giết.

Thời buổi loạn ly, tai họa dồn dập đến, gia đình tôi tản lạc. Tất cả tư vật của ba tôi chỉ còn lại vài tấm hình xưa, một mảnh bằng phai màu và một quyển sổ nhỏ trong đó ông ghi lại vài dòng từ biệt vợ con. Quyển sổ mỏng cầm tay, bìa xanh dương lợt, di vật cuối cùng của ba tôi, được anh em chúng tôi thay phiên nhau gìn giữ như một bảo vật hơn 65 năm nay.

Sau những ngày hỗn loạn kinh hoàng mùa thu 1945, ba tôi biệt tin. Nhưng gia đình vẫn còn bám níu hy vọng là có một ngày ông sẽ trở về. Niềm hy vọng mỏng manh đó tan vỡ vào một đêm khuya. Theo lời anh Tụ (con trai trưởng của ba tôi với người vợ đầu) kể lại thì một tối cuối năm 1946, có một người khách lạ tìm đến tận nhà để trao lại cho mẹ tôi quyển sổ nhỏ cầm tay, cặp mắt kiếng, và chiếc đồng hồ quả quít của ba tôi. Ông cho biết là ba tôi đã bị Việt Minh giết. Trước khi từ biệt mẹ tôi, ông xin được giữ cặp mắt kiếng và cái đồng hồ làm kỷ niệm, và nói với mẹ tôi là ông sẽ đi biệt vô âm tín, xin đừng bao giờ tìm ông.

Người khách lạ không bao giờ trở lại. Mẹ tôi là người duy nhất tiếp chuyện ông. Anh Tụ chỉ biết được những gì mẹ tôi kể lại. Còn tôi, lúc đó chỉ mới 8 tuổi, tuyệt nhiên không bao giờ nghe mẹ tôi nói đến hung tin. Tôi chưa kịp trưởng thành để được mẹ tôi tâm sự thì 3 năm sau, không rõ vì lý do gì bà bị mật thám Pháp bắt và tra khảo; bà kinh hoàng đến mất trí cho đến ngày nay [...]

Học xong Đại học Sư phạm, tôi tìm đường “thoát ly”, xin được học bổng du học ở Mỹ năm 1963, rồi Canada và cuối cùng định cư ở xứ này.

Từ năm 1987 đến nay mỗi năm tôi đều về Việt Nam thăm mẹ tôi một lần. Bà ở Vĩnh Long, có hai người cháu tận tình chăm sóc. Khi tôi viết những dòng này mẹ tôi đã hơn 90 tuổi. Những năm gần đây, bệnh tình của bà có phần thuyên giảm; bà tỉnh hơn ngày xưa nhiều. Thật là một diễm phúc không ngờ.

Những lúc mẹ tôi tỉnh táo, những giây phút quý báu này, tôi thường gọi lại chuyện xưa, mong bà nhớ và kể lại cho tôi nghe những mẩu chuyện đời của bà trước khi lâm bệnh. Ít khi bà tự ý kể chuyện; hỏi tới đâu thì bà trả lời tới đó, đôi lúc bị dòng liên tưởng lôi cuốn trở về quá khứ, bà kể lại một hơi nhiều mẩu chuyện xưa. Những chi tiết rời rạc, không mạch lạc, thời gian xáo trộn, tôi vẫn thu âm hay ghi lại. Khi so lại với sự việc anh chị tôi biết hay tôi tìm đọc trong tài liệu, sách vở thì thấy rõ là nhiều việc mẹ tôi kể lại quả thật chính xác. Bà nhớ rõ họ, tên, địa chỉ, v.v.. (kể cả địa chỉ Khám lớn Sài Gòn, “69 đường Lagrandière”). Nhưng những giây phút minh mẫn thường không lâu, trong chốc lát tâm trí bà không còn sáng suốt. Có lần bà nói: “Hỏi gì mà

hỏi hoài! Buồn quá!” rồi nhắm mắt lại, nói chuyện một mình, trở về cái thế giới riêng tư của bà.

Mẹ tôi nhớ nhiều về những sự việc xảy ra trong 3 năm ngắn ngủi chung sống với ba tôi, từ ngày đám cưới đến ngày ông bị đày ra Côn Đảo. Còn những chuyện về sau mà tôi rất muốn biết – từ lúc ba tôi mãn tù ở Côn Đảo về, cuối năm 1943, bị quản thúc ở Cần Thơ, đến lúc ông cùng vài người bạn tâm giao trở về Sài Gòn sau khi Nhật đảo chánh Pháp tháng 3, năm 1945 – thì bà ít nói đến; bà bảo không nhớ (hay không muốn nhắc tới?)

Một điều làm tôi thần thờ suy ngẫm mỗi khi nghĩ đến khoảng thời gian này: bà ít khi nhắc đến em Mỹ Chung, người em gái xấu số của tôi, ra đời trong những ngày loạn lạc cuối năm 1945; không được biết ba, đến 4 tuổi thì mẹ lại bị bệnh thần kinh; vừa mới 20, chưa được hưởng đời thì đã mất. Mỗi khi nghĩ đến em tôi, tôi vẫn còn buồn thắm thía, buồn cho số phận hẩm hiu của em [...]

Khi mẹ tôi lập gia đình với ba tôi năm 1937, bà chỉ mới 20 tuổi, còn ông đã 32. Ông đã có năm đứa con với người vợ trước. Bà mất 14 ngày sau khi sanh đứa con gái út. Mẹ của bà, quê ở Mỹ Tho, bồng cháu về nuôi. Hai năm sau ba tôi tục huyền. Tôi ra đời một năm sau đó.

Ba mẹ tôi chung sống với nhau chưa tròn ba năm thì cuối năm 1939 ông bị chính quyền Pháp bắt giam, rồi một năm sau đày ra Côn Đảo. Ở tuổi 23, đơn chiếc, túng thiếu, mẹ tôi phải đưa các anh chị về Phú Lâm, nhờ bác Hai chăm sóc; còn tôi thì gửi cho bà ngoại ở Vĩnh Long để mẹ tôi có thể buôn bán tảo tần, nuôi mẹ nuôi con. Mãi đến 4 năm sau, khi ba tôi mãn tù về ở Cần Thơ, anh em chúng tôi mới có dịp quen biết nhau [...]

Kỷ niệm tuổi thơ rời rạc, nhưng có những ấn tượng mạnh ghi sâu vào ký ức không bao giờ phai.

Ba rất thích dẫn tôi đi theo khi thăm viếng bạn bè, nhưng phải năn nỉ vỗ về tôi mới chịu đi. Lúc đầu tôi rất sợ đến gần ông vì cặp mắt lúc nào cũng nhấp nháy (sau này tôi mới biết vì bị cận thị nặng); nhưng mỗi lần ông nói: “Lại đây ba kể chuyện Ali Baba cho con nghe!” là tôi quên mất hai con mắt lung linh lạ lùng đó. Giọng ông hùng hồn, gợi cảm. Khi ông giơ hai tay lên truyền lệnh: “*Sesame, mày hãy mở cửa ra cho ta!*” là tôi thấy ngay trước mắt cửa động huyền bí từ từ mở ra. Sự tích dài, tình tiết gút mắc, tôi không nhớ nhiều, nhưng không bao giờ quên câu: “*Sesame, mày hãy mở cửa ra cho ta!*” Lệnh truyền màu nhiệm làm tôi phục ba vô cùng. Từ đó về sau tôi không còn sợ ông nữa. Tối nào cũng lại gần thỏ thẻ với ông: “Ba kể chuyện Ali Baba với 40 thằng ăn cướp đi!”

Một chuyện nữa mà không bao giờ tôi quên được. Một chiều mưa gió, có ông già đội nón lá rách tả tơi, quần áo ướt đầm đìa, đứng trốn mưa run lập cập dưới mái hiên trước nhà. Ba tôi thấy, vội vàng mời ông vô nhà. Ông khép nép sợ sệt. Ba tôi nài nỉ mãi ông mới bước vô, nước chảy từ trên người xuống chân, đọng thành vũng dưới sàn nhà phòng khách. Ba tôi ân cần nói chuyện để người khách được tự nhiên, rồi ông đi lấy chai rượu rum rót ra ly mời khách uống “cho ấm bụng.” Đó là một bài học cư xử với người nghèo khó mà tôi không bao giờ quên [...]

Tôi không nhớ từ Cần Thơ về Vĩnh Long lúc nào, bằng cách nào, đi với ai; nhưng nhớ rõ là hai chị Linh, Dung cũng về Vĩnh Long ở chung với mẹ và dì tôi khoảng giữa năm 1945. Theo lời anh chị kể lại là sau khi Nhật đảo chánh cướp chủ quyền từ tay Pháp tháng 3, năm 1945, ba tôi với vài người bạn tụ tập nhau trở về Sài Gòn, dò dẫm tình hình. Ba giao tiền và nhà cửa cho chị Linh, anh Điền; anh Tự lúc đó đang theo Thanh niên Tiền phong vô bụng. Khi anh trở về Cần

Thơ một thời gian sau, tìm về nhà cũ thì không còn ai ở đó, gia đình tản mát mỗi người một nơi. (Xin xem bài “*Thương nhớ cha.*”) Anh Điền trở về Sài Gòn ở với bác Hai. Chị Linh, chị Dung về Vĩnh Long, còn ba tôi ở đâu không ai biết.

Mẹ tôi lúc đó vẫn còn lên xuống Sài Gòn, Vĩnh Long, thỉnh thoảng dắt tôi đi theo. Tôi nhớ có lần mẹ tôi nói: “Đi nghe ba diễn thuyết!”, rồi hai mẹ con ra đứng đợi ở một khoảnh đất gần nhà thờ Đức Bà, trên đường Norodom (nay là Lê Duẩn) đông nghẹt người chen lấn xô đẩy. Đi nhiều lần, đợi rất lâu, ba tôi có diễn thuyết hay không tôi không nhớ. Nhưng đến giờ này vẫn còn hiện rõ trong đầu tôi cảnh một căn phòng nhỏ không bàn không ghế, chỉ có một cái giường hẹp và một tủ đứng. Ba mẹ tôi thì thăm với nhau những gì tôi không rõ, nhưng hai người vẻ mặt buồn hiu. Có phải đó là lần chót ba mẹ tôi gặp nhau? [...]

Những năm 47, 48 là những năm sung sướng nhất thời thơ ấu của tôi. Gia đình sum vầy đông đảo. Mẹ tôi giờ đây chỉ buôn bán làm ăn ở Sài Gòn, thôi đi làm xa vì đường xá nguy hiểm, khó khăn. Thỉnh thoảng xe chở hàng và xe đò bị Việt Minh chặn lại hăm dọa, thu thuế. Thời đó Việt Minh đã áp dụng chiến thuật du kích, khủng bố, phá hoại cầu đường, quăng lựu đạn trong rạp hát, ám sát người Pháp và luôn cả người Việt Nam mà họ cho là “Việt gian” vì không theo đường lối của họ. Để bảo đảm an toàn giao thông, chính quyền Pháp bắt xe cộ di chuyển trên quốc lộ phải đi theo đoàn (convoi) có xe nhà binh hộ tống.

Rất duyên dáng ở tuổi 30, bật thiệp, làm ăn phát đạt, mẹ tôi được nhiều người “đề ý”. Có hôm tôi hỏi bà: “Má ơi, sao con có nhiều ‘cậu’ vậy? Đi ciné hay nhà hàng với mấy cậu, bà cũng thường dẫn tôi theo. Đi ăn cơm nhà hàng Tây, tôi phải tự xem menu và còm mắng bằng tiếng Pháp.

Những ngày vui vầy với mẹ không được bao lâu thì một sự việc bi đát đến với gia đình chúng tôi. Vào một đêm khuya khoảng đầu năm 1949 (lúc đó tôi đang học lớp Nhứt, cours Supérieur), đang ngủ cùng giường với mẹ tôi thì có người gõ cửa, rồi một đám lính mật thám ủa vô nhà, lục soát tứ tung, cạy gỡ gạch bông sàn nhà như để tìm vật gì. Họ không tìm được gì cả, nhưng lại bắt mẹ tôi dẫn đi. Trong nhà lúc đó chỉ có bà, mẹ, tôi và anh Điền. Anh Tự lúc đó đi làm thủy thủ tàu biển, có ý muốn đưa anh Điền sang Pháp học thành tài như ba tôi.

Bà ngoại tôi quê Vĩnh Long, xuất thân từ một gia đình trung lưu, lúc nhỏ đi học được vài năm rồi nghỉ, có chồng có con sớm. Chồng làm hương sư, có ruộng đất; bà chỉ lần lữa lo việc gia đình, ít giao tiếp ngoài xã hội. Vài ngày sau khi mẹ tôi bị mật thám bắt, một cậu bạn thân với mẹ tôi, biết bà tôi có bà con với ông Trần Văn Hữu, lúc đó là Thủ hiến Nam Kỳ, khuyên bà nên đi gặp ông Hữu ngay. Bà ít biết đường sá Sài Gòn, đi đâu phải nhờ con cháu đưa đi. Tôi nhớ rõ ngày đó ngoại tôi và tôi đến dinh Thủ hiến¹, vô ngõ bên hông nằm trên đường MacMahon (sau là Công Lý, nay là Nam Kỳ Khởi nghĩa), xin gặp ông Hữu, nhưng nhằm cuối tuần ông đang nghỉ mát ở Đà Lạt. Ngày thứ Hai, bà và tôi trở lại dinh. Có được nói chuyện thẳng với ông hay chỉ qua người tùy phái, tôi không nhớ rõ; chỉ biết là sau đó có người bảo ngoại tôi vô bót 2è bureau (phòng nhì) ở Chợ Quán lãnh mẹ tôi về. Lập tức bà, tôi và anh Điền đón xe lô chạy vô đó.

Sáu mươi năm đã trôi qua mà cảnh tượng sau đây vẫn còn ám ảnh tôi những đêm khó ngủ. Từ một căn phòng nhỏ thấp, ánh sáng lờ mờ, mẹ tôi bước ra, dáng dấp thiếu nữ, cặp mắt thất thần sợ hãi, ngơ ngác nhìn chúng tôi như người xa lạ. Hai bên thái dương có hai dấu đỏ tròn, da tróc như bị phỏng. Từ đó mới biết là mẹ tôi đã bị mật thám “tra điện” và cũng từ đó tôi *mất* mẹ:

¹ Thời Pháp, là dinh Thống đốc Nam Kỳ, thời ông Trần Văn Hữu là dinh Gia Long, nay là Bảo tàng Cách mạng.

bà mang bệnh thần kinh đến ngày nay. [...]

Mẹ tôi lâm bệnh chẳng được bao lâu thì gia đình chúng tôi phải trải qua một thảm họa đau buồn kế tiếp.

Cuối niên học, buồn cảnh gia đình rối ren, anh Điền tìm nơi tạm ở mấy tháng hè. Anh về cù lao An Thành cách châu thành Vĩnh Long một con sông. Tại đây có một nhóm các anh trai trẻ, khoảng 50, 60 người, sống có tổ chức, có súng ống (nhưng không nhiều), phân chia canh gác, đi tuần, giữ an ninh trật tự trên cù lao; họ mặc quần áo như dân làng, phần lớn là bộ đồ bà ba đen. Anh Tự cũng có một thời gian ở đây. Một số các anh lớn tuổi (tôi kêu bằng ‘cậu’) thường tới lui nhà di tôi ở châu thành Vĩnh Long. Nghỉ hè tôi rất thích đi “cắm trại” với các anh, các cậu bên cù lao: tắm sông, chèo thuyền, đi cầu khỉ, ngủ sàn gạch.

Lần đầu tiên tôi được nghe nhiều chữ mới như “quốc gia”, “tổng hành dinh”, “chỉ huy trưởng”. Tổng hành dinh là ngôi đình làng, chỉ huy trưởng là cậu Khải. Năm 1997, có dịp sang Cali, tôi tìm thăm anh Thừa (Thiên) mà tôi được làm quen ở cù lao An Thành 50 năm về trước. Anh cho một tập tài liệu tự tay anh viết. Từ đó mới biết “trại hè” của tôi là một trong những “chiến khu” chống cộng đầu tiên ở miền Nam của Đại Việt Quốc Dân Đảng. (Cùng với anh Tự, một số các anh, các cậu tôi gặp ở đây như anh Thừa, cậu Hữu, cậu Nghĩa-Sáu Long, sau này trở thành sĩ quan cao cấp trong quân đội Việt Nam Cộng hòa.)

Hè đó, lúc anh Điền ở cù lao An Thành thì tôi đang ở nhà di Hai tại châu thành Vĩnh Long. Một buổi sáng đột nhiên có người đến nhà báo tin anh Điền đã chết bên cù lao! Người này cho biết đêm trước Việt Minh về phá khuây, bắn thị oai. Oan nghiệt thay! Anh Điền là người duy nhứt bị trúng đạn đêm đó. Mất mát vô bờ: một người anh hiền lành, điềm đạm, học giỏi, gương mặt giống ba tôi như hệt; anh chưa được 17 tuổi.

Anh Điền chết đột ngột, anh em ở xa không ai về kịp. Ngày chôn cất, tôi là người thân duy nhứt tiễn đưa anh. Cảnh tượng sau đây vẫn còn ghi sâu trong ký ức tôi. Một anh đến nhà dắt tôi ra đường. Bên vệ đường có chiếc xe chở hàng không mui. Quan tài nằm giữa khoang xe, hai bên các anh đứng sắp hàng tề chỉnh. Một anh đỡ tôi lên xe, đặt tôi đứng một góc bên quan tài. Xe từ từ chạy. Các anh bắt đầu hát bài “Hồn Việt Nam”, giọng trầm, buồn; tôi khóc sụt sùi. Thời gian lâu sau, tôi vẫn còn nằm chiêm bao thấy anh Điền về chuyện trò với tôi: “Đâu, anh có chết đâu! Anh đi chơi xa mà!”

Lại đi tìm cha

Năm tháng trôi qua, chuyện xưa dần dần lui xa về quá khứ. Thập niên 50, 60 ít ai nói đến Đệ tam, Đệ tứ; người ta bận tâm lo sợ hiểm họa Việt Minh, Việt Cộng. Bản thân tôi bận rộn vừa đi học, vừa đi làm để giúp gia đình. Đến năm 1963, du học ở Mỹ, sau đó tôi tiếp tục học ở Canada, rồi định cư ở xứ này, công ăn việc làm bèo bọt. Khi người Việt tị nạn bắt đầu đến Toronto cuối thập niên 70, tôi lại càng bận rộn hơn, ban ngày làm việc sở, tối lo việc cộng đồng. Một số sinh viên và Việt kiều chúng tôi (lúc đó tại Toronto không quá 50 người) tìm cách gây quỹ và tổ chức chương trình giúp người tị nạn học Anh văn, tìm việc làm, v.v..

Nhà ở gần khu trường Đại học Toronto, khi rảnh rỗi tôi vô thư viện hay đi lục lạo các tiệm sách cũ. Một hôm tình cờ thấy quyển *Vietnamese Communism: 1925-1945* của Huỳnh Kim

Khánh¹ do Đại học Cornell xuất bản năm 1982. Đọc nhanh mục lục và đề mục-danh mục, rất phong phú, tôi nhận thức ngay đây là một quyển sách có ích cho việc “tìm cha” của tôi. Một đề tài thu hút tôi ngay, đó là “Trótkít và Stalinít”, dài 43 trang. (Nhiều sử gia Tây phương tên tuổi cũng nhận định rằng phần khảo sát này là một trong những phần nổi bật nhất trong tác phẩm của Huỳnh Kim Khánh.)

Tác giả mô tả *Mặt trận Thống nhất La Lutte* thành lập năm 1934, một liên minh Đệ Tam-Đệ Tứ chưa từng thấy trong lịch sử mác-xít thế giới. Mặt trận ra đời từ lòng yêu nước của một nhóm sinh viên trí thức trẻ du học ở Pháp về, sẵn sàng gạt bỏ xu hướng chính trị đối lập để chung sức chống chế độ thuộc địa. Năm 1934, họ cho ra tờ báo tiếng Pháp, lấy tên *La Lutte* (Tranh đấu), làm tiếng nói chống bạo quyền áp bức, từ đó được biết đến với cái tên *Nhóm Tranh Đấu*.

Rồi cũng do một sự tình cờ khác mà tôi lại được một số tài liệu quý báu. Bạn đời của tôi, giáo sư Ngôn ngữ học tại Đại học Toronto, một hôm chuyện trò với một sinh viên sau giờ học, rồi không biết thầy trò nói những gì mà vài ngày sau ông mang về nhà một tập tài liệu do người học trò biếu cho ông, “Vietnam: Workers’ Revolution and National Independence” (“Việt Nam: Cách mạng Công nhân và Quốc gia Độc lập”) với hình của Tạ Thu Thâu trên bìa tạp chí. Đây là số đặc biệt của tạp chí *Revolutionary History* (số 2, năm 1990). Tác giả gồm có Simon Pirani, Daniel Hémerly, Ngô Văn Xuyết, Lu Sanh Hạnh và ‘Comrade P.’

Pirani, Hémerly và Ngô Văn Xuyết đã dày công nghiên cứu phong trào trótkít ở Việt Nam trong nhiều năm. Các ông Xuyết, Hạnh và ‘Đồng chí P.’ cũng là những nhân chứng cuối cùng đã tham gia Cách mạng tháng Tám năm 1945, trong hàng ngũ chiến sĩ Đệ Tứ. Họ may mắn thoát khỏi hai làn đạn, một bên là Việt Minh (Cộng sản Đệ Tam) sẵn lòng thủ tiêu đối lập chính trị, bên kia là thực dân Pháp tái chiếm miền Nam.

Cả ba người lưu vong sang Pháp. Rồi vào năm 1947, 1948, Lu Sanh Hạnh và ‘Đồng chí P.’ viết báo cáo gởi về Ban Bí thư Đệ Tứ Quốc tế ở Paris, tường thuật những biến cố tháng Tám 1945 và việc Cộng sản Đệ Tam lung bắt thủ tiêu những người Đệ Tứ. Nhưng báo cáo của họ chìm trong hồ sơ của Ban Bí thư Đệ Tứ mãi đến những năm 1987-1990 nhờ công lao của nhà báo Simon Pirani và Ngô Văn Xuyết mới được phổ biến.

Đồng chí P. chỉ 17 tuổi khi anh gia nhập nhóm Tranh Đấu năm 1945. Trong báo cáo viết hai năm sau, “Mes premiers pas vers la révolution permanente” (“Những bước đầu của tôi tiến tới cách mạng thường trực”) anh tường thuật những gì anh nghe thấy trong những ngày cuối cùng của ban lãnh đạo nhóm Tranh Đấu. Lúc đó ông Thâu đã bị Việt Minh bắt tại Quảng Ngãi (cũng có thể đã bị giết rồi). “Bộ tham mưu” chỉ còn có ba tôi và các ông Hùm, Chánh, Hòa, Lợi, Số, Thử. Cạnh tên ba tôi, đồng chí P. ghi “luật sư.” Thời đó nhiều người lầm tưởng ông là luật sư vì trên báo *La Lutte* ông thường trích dẫn các điều lệ, đạo luật Pháp để tố cáo những hành vi “trái luật” của chính quyền thuộc địa khi họ áp đảo người dân.

Đồng chí P. là một trong khoảng 30 anh chiến sĩ có nhiệm vụ bảo vệ ban chỉ huy Tranh Đấu. Họ lập bản doanh tại một ngôi đình gần Thủ Đức, sau khi mặt trận kháng chiến chống Pháp tại nội thành Sài Gòn tan vỡ. Họ tuy được dân làng xung quanh mến nể, trợ giúp lương thực, nhưng lại bị Việt Minh sẵn lòng. Các ông Chánh, Lợi, rồi đến ông Hùm rời bản doanh đi công tác, đều mất tích. Đồng chí P. viết: “Đêm cuối cùng, trong ban chỉ huy chỉ có mỗi đồng chí Thạch còn ở lại bản doanh. Chúng tôi được lệnh làm hai vòng rào canh gác và lục soát những ai qua lại. Năm

¹ Do Đại học Cornell xuất bản năm 1982; tác phẩm này được nhiều sử gia Tây phương trích dẫn.

giờ rưỡi hùng sáng, một ủy viên công an stalinít cùng với 10 tên Quốc gia Tự vệ cuộc đến bắt đồng chí Thạch dẫn đi.” Từ đó đồng chí Thạch mất tích luôn.

Ban chỉ huy Tranh Đấu chỉ tồn tại có 12 ngày, nhưng những ngày ngắn ngủi đó đã để lại trong ký ức anh chiến sĩ Đệ Tứ một ấn tượng mạnh: một nhóm người thành phần xã hội khác nhau, cùng sống bình đẳng với nhau cho lý tưởng chung. Bài báo cáo lời văn chân thật viết từ tâm tình của một người thanh niên trẻ, hăng say với lý tưởng của mình. Chỉ có ba trang, nhưng tôi đọc đi đọc lại không biết bao nhiêu lần để tìm hiểu từng chi tiết liên quan đến giờ phút cuối cùng của ba tôi và các bạn đồng hành của ông.

Lần mò lật các trang sách của Huỳnh Kim Khánh và tạp chí *Revolutionary History*, tôi tìm được một tác phẩm vô giá cho việc “tìm cha,” quyển *Révolutionnaires vietnamiens et pouvoir colonial en Indochine: communistes, trotskystes, nationalistes à Saigon de 1932 à 1937 (Những nhà cách mạng Việt Nam và quyền lực thực dân tại Đông Dương: cộng sản, trótkít và quốc gia ở Sài Gòn những năm 1932-1937)*. Tác giả là sử gia Daniel Hémery. Lần đầu tiên tôi mới thấy các chữ *cộng sản, trótkít, quốc gia* cùng hàng trên một trang giấy, và cả ba nhóm được nhắc đến là *những nhà cách mạng Việt Nam*. Sách vở xuất bản ở Việt Nam ngày nay, nói về thời kỳ đó thường chỉ dành hai chữ *cách mạng* cho đảng viên Đảng Cộng sản Đông Dương và hoạt động của những người cộng sản Đệ Tam [...]

Tài liệu ông Hémery tham khảo vô cùng phong phú: hơn 60 tờ báo Việt, Pháp phát hành trong thập niên 20, 30, và toàn bộ tờ *La Lutte* từ năm 1934 đến năm 1939 nằm trong Thư viện Quốc gia Pháp, trừ các số từ 126 đến 130 lọt trong Viện Lịch sử ở Amsterdam, mà ông cũng tìm được. Ngoài ra ông còn tham khảo rất nhiều tài liệu mà tác giả là các nhân chứng lịch sử hai miền Nam, Bắc.

Cuối thập niên 60, trong số những người Đệ Tam, Đệ Tứ nòng cốt của nhóm La Lutte chỉ có hai người còn sống: Hồ Hữu Tường ở trong Nam và Nguyễn Văn Tạo ở ngoài Bắc. Ông Hémery mong muốn được gặp hai nhân vật quan trọng này, nhưng chưa có dịp thì ông Tạo đã mất (tháng 8-1970). Nhưng rất may cho ông Hémery là vào năm 1968, ông Tường đến Paris và ở lại đó 11 tháng để theo dõi hòa đàm Nam-Bắc, với tư cách dân biểu Quốc hội Việt Nam Cộng hòa. Ông Hémery đến tìm. Ông Tường mền phục ý chí và tinh thần nghiên cứu của ông giáo sư trẻ đang dạy môn Sử tại Lycée Rollin, trợ giảng tại Đại học Sorbonne, và cùng lúc chuẩn bị luận án tiến sĩ. Trong suốt thời gian ở Paris, ông dành cho ông Hémery mỗi tuần một buổi sáng để cùng ngồi đàm thoại.¹ Giáo sư Hémery làm xong luận án tiến sĩ năm 1973 và hai năm sau quyển *Révolutionnaires vietnamiens* được nhà xuất bản Maspéro phát hành.

Lúc nhỏ tôi chỉ biết ba tôi là một người kể chuyện tuyệt vời, một ông giáo sư Pháp văn nổi tiếng, một ông Hội đồng Thành phố được dân nghèo quý mến, một người có tên trên một bảng đường ở Sài Gòn. Giờ đây nhờ công trình nghiên cứu công phu của ông Hémery tôi mới được biết thêm ba tôi là một nhà báo viết tiếng Pháp không thua người Pháp, đã từng phê bình, chỉ trích trên báo *La Lutte* nhiều nhân vật cao cấp trong chính quyền thuộc địa cũng như ở chính quốc; và cũng được biết là chỉ một năm sau khi tới Toulouse ghi danh học ban Triết ở Đại học Toulouse, chưa đầy 22 tuổi, ba tôi đã cho ra tờ báo lấy tên là *Journal des Étudiants annamites (JEA, “Báo Sinh viên An Nam”)* vào tháng 5-1927.

Từ đó tôi có ý định đi lục tìm các bài báo do ba tôi viết để cho in thành sách. Ngoài sách của

¹ Hồ Hữu Tường, *41 năm làm báo*, tr. 77-78.

các ông Hémery, Huỳnh Kim Khánh, Ngô Văn, tôi cũng tìm hiểu thêm về nhóm La Lutte và bối cảnh lịch sử từ 1925 đến 1945 qua tác phẩm của các sử gia Brocheux, Buttinger, Devillers, Duiker, Hammer, Hodgkin, Marr, McAlister, Tonnesson và nhiều sử gia khác.

Năm 2005, tôi sang Pháp. Lần theo dấu chân của ông Hémery, tôi đến các thư viện, văn khố ở Paris và Aix-en-Provence để tìm các báo cáo của chính quyền, hồ sơ mật thám Pháp, và bản gốc của hai tờ *La Lutte* và *JEA*. [...]

Một ngày nóng cháy da ở Aix hè năm 2005, nhưng tôi vẫn cảm thấy mát dịu trong lòng, đó là ngày tôi tìm được một bức ảnh vô cùng quý giá tại Văn khố Pháp quốc Hải ngoại CAOM. Trong ảnh có tất cả năm người: ba tôi và các ông Hồ Văn Ngà, Lê Bá Cang, Nguyễn Văn Khải, và một người nữa không rõ là ai. [...]

Bức ảnh quý hiếm đó nằm trong một hồ sơ mật thám Pháp. Đó là tấm ảnh ông Cang kèm theo thư ông gửi về cho người anh bà con là Nguyễn Háo Đàng, giáo sư trường Huỳnh Khương Ninh, có thành tích hoạt động chống thực dân. (Xem một trang thư trong phần “Hình ảnh”). Trong thư ông Cang giới thiệu “Ban trị sự” mới của Tổng hội Sinh viên Đông Dương (THSV), chụp hình kỷ niệm ở vườn Luxembourg, và nhờ ông Đàng giúp quyên tiền cho hội. Một người trong hình ông Cang quên nói tên mà mật thám Pháp cũng không biết là ai. Có thể người đó là ông Hình Thái Thông, giữ chức Thủ quỹ trong ban trị sự mới THSV.

Mật thám Pháp theo dõi chặt chẽ những người bị tình nghi hoạt động chống Pháp, thường xuyên kiểm soát thư từ của họ. Lá thư của ông Cang bị mật thám Pháp mở ra kiểm soát, sao chụp tất cả, dịch ra tiếng Pháp, rồi kèm mọi thứ theo báo cáo gửi cho các cơ quan thẩm quyền như phủ Toàn quyền Đông Dương, Bộ Thuộc địa, v.v... Không biết thư có đến tay ông Đàng không và trong bì thư còn có những gì?

Ngồi trong phòng thư viện rộng thênh thang, cầm bức ảnh chụp vào buổi đầu thời thanh niên của ba tôi, chung quanh bao nhiêu người im lặng đọc, viết, tôi thả hồn tưởng tượng cuộc đời sinh viên của ông. Trông ông quá nghiêm chỉnh, chững chạc trước tuổi. Chắc ông bận rộn vô cùng: vừa học, vừa làm báo, vừa làm chủ tịch Hội Ái hữu Đông Dương, chi nhánh Paris (AMI, Association mutuelle des Indochinois), làm thư ký cho Tổng hội Sinh viên Đông Dương. Càng nhìn hình, tôi càng thương tiếc những người trí thức trẻ yêu nước thương dân, bị chết oan uổng ở tuổi còn nhiều ước vọng, tài năng và nhiệt tình đóng góp cho đất nước. Chắc chắn là ba người (ba tôi và hai ông Ngà, Cang) và có thể là bốn, nếu người thứ năm trong hình là ông Hình Thái Thông, đã bị Việt Minh thủ tiêu năm 1945.

Tôi nghĩ đến số phận không được biết rõ, không được sống cạnh ba của mình mà tội nghiệp cho những người đồng cảnh ngộ.

Đoạn kết

Khi tôi viết những dòng này, mẹ tôi đã được 95 tuổi. Phần tình cảm: buồn, vui, thương, nhớ ... bà vẫn còn, nhưng phần lý trí suy luận thì đã mất nhiều từ khi lâm bệnh. Khái niệm thời gian cũng không còn. Bà không thích nghe nói ai chết, mà cũng không tin người thân, bạn bè đã chết rồi. Có lần tôi hỏi bà về hai ông Tường, Chánh. Bà nói:

Ông Chánh với ông Tường lại chơi với ba mày hoài – Má nhớ ông Tường ra sao không? - Ổm, lưng khòm khòm. – Má nhớ ông Chánh ra sao? – Ông mập tốt quá mà sao chết, đôn chết có biết chết thiệt không. (Trước đó, tôi có nói với mẹ tôi là ông Chánh đã chết rồi.)

Có lần đột nhiên bà hỏi: *Ba với thằng Diễm, “thằng suyễn” đi đâu không trở về?* (“Thằng suyễn” là anh Tự, lúc nhỏ bị suyễn nặng. Sau 12 năm lao tù ở vùng Yên Bái, từ 1975 đến 1987, anh rời Việt Nam năm 1992, định cư ở Mỹ. Từ năm 1999 đến nay, tu ở thiền viện Tánh Không, Riverside, California.)

Mẹ tôi rất nắm nín tôi, mỗi lần chia tay là một lần hai mẹ con vô cùng khổ sở. Bà thường nói: *“Má ngồi trông, đếm từng ngày, trông Châu, Tết về.”* Lúc mắt mẹ tôi còn thấy chút ít, có lần tôi gọi *chuyện*: *“Bữa nay, má muốn nói chuyện gì nè?”* Bà trả lời: *“Không nói gì. Ngồi dòm thôi. Đây là Châu, đây là má Ngọc. Hai người sống chung một nhà. Tình mẹ con. Hai mẹ con mình gần nhau.”* Năm rồi, mắt mẹ tôi đã mù. Bà thường kêu tôi lại ngồi trên giường với bà: *“Châu ngồi đó, má ngồi đây được rồi, vui rồi.”*

Đầu năm 2006, sau một lần từ giã mẹ tôi rất khó khăn, lên Sài Gòn hai ngày trước khi trở về Canada, nằm trong khách sạn, tôi nhớ mẹ rồi sức nhớ đến dì Năm Mè (Bùi Thị Mè), một người bạn thân của mẹ tôi lúc nhỏ. Năm nào về thăm mẹ, tôi cũng ghé thăm dì.

Mẹ tôi và dì là nạn nhân của một cuộc chiến ý thức hệ thảm khốc, kéo dài hơn 30 năm, đem đau thương cho biết bao nhiêu người. Mẹ tôi mất chồng vì ba tôi không cùng xu hướng chính trị với Cộng sản Đệ Tam, dì Mè mất ba người con trai trong một năm vì dì chống lại đường lối chính trị của chính phủ Ngô Đình Diệm. Năm 1960 dì cùng chồng dắt bốn người con trai vô bụng kháng chiến, gởi hai người con gái nhỏ nhờ cô của mấy cháu nuôi giùm. Năm 1968, khi cuộc chiến cộng sản-quốc gia trở nên ác liệt ở miền Nam, cùng một ngày dì được tin hai người con trai lớn, 26 và 24 tuổi, tử trận. Rồi không lâu sau lại có tin người con trai 22 tuổi cũng chết ở chiến trường, đưa con trai út bị thương. Một thời gian dì bị khủng hoảng tinh thần, được đưa đi Liên Xô dưỡng bệnh. Ngồi trong phòng khách nhà dì, nhìn 3 tấm ảnh của ba người thanh niên tuấn tú treo trên tường, tôi không khỏi bồi ngùi thương tiếc, nghĩ đến cái hậu quả khủng khiếp của các cuộc tranh chấp ý thức hệ.

Nhớ dì Mè thì lại nghĩ đến ông Trần Văn Giàu. Cả hai đều là nhân vật tiếng tăm trong nước, thế nào cũng quen nhau nhiều. Tôi gọi điện thoại cho dì Mè: *“Dì Năm chắc quen ông Giàu. Dì xin cho con gặp ông được không? – Nửa tiếng dì sẽ trả lời.”* Bốn giờ chiều hôm đó, tôi lấy taxi đón dì, rồi hai dì cháu cùng đến nhà ông Giàu.

Tôi không có mục đích gì rõ rệt khi muốn đi gặp ông, chỉ thoáng mong ước ông cho biết chút ít về cái chết của ba tôi.¹ (Đúng là một ước mong quá ngây thơ.) Mùa thu 1945, ông là nhân vật quan trọng nhứt trong Lâm ủy Hành chánh Nam Bộ, rồi đến Ủy ban Kháng chiến Nam Bộ, nắm quyền sinh sát trong tay. Nhiều sử gia cho rằng ông trực tiếp hay gián tiếp có trách nhiệm trong việc hàng chục lãnh tụ đảng phái đối lập bị thủ tiêu.

Trước đó vài ngày tôi được đọc nhiều quyển sách xuất bản ở Việt Nam để kỷ niệm 60 năm

¹ Trước đó vài tháng tôi được đọc bài “Ai đã ám sát Tạ Thu Thâu và những người Trót-kít Việt Nam” của ông Hoàng Khoa Khôi, và không thể quên được đoạn văn sau đây: “Mùa hè năm 1989, nhân dịp qua Pháp, ông Trần Văn Giàu [gặp một số người Việt tại Paris]. Khi hỏi về việc ai đã giết Tạ Thu Thâu ở Quảng Ngãi, ông Giàu quả quyết không phải ông vì lúc đó người trách nhiệm là ông Hoàng Quốc Việt được đảng cử ra thay ông [...] Khi hỏi về các vụ ám sát các lãnh tụ trót-kít khác ở miền Nam như Phan Văn Hùm, Trần Văn Thạch, Huỳnh Văn Phương, v.v... ông Trần Văn Giàu lại rất lúng túng, không quả quyết như câu trả lời về vụ ám sát Tạ Thu Thâu. Thái độ lúng túng ấy khiến cử tọa có cảm tưởng ông có dính líu đến những vụ này, hoặc ít ra ông cũng biết ai là thủ phạm. (*Hồ sơ Đệ Tứ Quốc tế Việt Nam, Tập 1*, Paris: Tủ sách nghiên cứu, 2000).

“Cách mạng tháng Tám” trong đó có nhiều bài viết của ông Giàu. Và trước đó nữa, tôi có đọc khá nhiều sách của các sử gia Tây phương; nhiều sử gia tên tuổi có viết (hay không) về cách mạng tháng Tám cũng đều đến gặp ông như: David Marr, Stein Tonnesson, Christopher Goscha, Peter Zinoman, Alain Ruscio, v.v. . .

Ở tuổi 95, ông Giàu vẫn còn minh mẫn. Suốt buổi tiếp tôi và dì Mè, ông ngồi yên trên chiếc ghế trường kỷ đối diện, vẻ mặt trang nghiêm, không để lộ một cảm xúc nào. Tôi ngại ngùng, lúng túng, không biết bắt đầu câu chuyện ra sao, cuối cùng hỏi một câu (chỉ được hỏi có một câu thôi) mà sau này mới biết là ‘vô ý thức’ đụng nhằm một đề tài ‘nhạy cảm’ đối với ông: “Thưa bác Sáu, cách đây mấy ngày con có đọc một bài nói về cách mạng tháng Tám. Có phải tại buổi họp Chợ Đệm, ông Bùi Công Trùng, Nguyễn Văn Tạo và Nguyễn Văn Nguyễn không tán thành khởi nghĩa lúc đó?” Lý do tôi hỏi về những người này là vì đã được đọc nhiều về họ trong sách của các ông Hémerly, Ngô Văn, báo *La Lutte*, hồ sơ mật thám Pháp, v.v.. (còn các ông Nguyễn Văn Trán, Huỳnh Văn Tiểng, Huỳnh Tấn Phát, v.v.. về sau tôi mới được biết đến nhiều.)

Sắc diện ông Giàu thay đổi ngay. Ông lấy ngón trỏ tay phải, chỉ vào mặt tôi, vừa đánh nhịp, vừa xỉ vả: “Không biết, nghe đây, im đi, đừng nói!” Thế là tôi và dì Mè ngồi im phăng phắc cho đến khi ông dứt lời, ông nói gì tôi cũng không nhớ. Cuối cùng để không khí bớt ngột ngạt tôi đưa ông xem quyển *Saigon 1925-1945: De la « Belle Colonie » à l’éclosion révolutionnaire ou la fin des dieux blancs* (Philippe Franchini, chủ biên) tôi vừa mua ở một tiệm sách ở Paris trước đó vài tháng. Tôi lật cho ông xem trang sách có in hình chân dung của ông lúc trẻ, vẻ mặt cứng rắn, thách thức. Đó là một trang trong bài viết của Pierre Brocheux tựa đề “Les sentiers de la révolution” (“Các con đường cách mạng”). Hình này tác giả tìm được trong Văn khố CAOM. Trong sách cũng có một bài nói về Tạ Thu Thâu. (Không biết ở tuổi già, có khi nào ông Giàu nghĩ đến cái chết của ông Thâu không?)

Tôi hỏi: “Bác có thấy quyển này chưa? – Chưa thấy – Con xin tặng bác.” Rồi tôi và dì Mè kiêu từ.

Trên xe taxi đưa dì Mè đến khách sạn Continental gặp một người bạn từ Pháp mới về, hai di cháu ngồi lặng im như tờ. Đột nhiên, dì thốt lên: “Già mà còn lửa!”

Kinh nghiệm trên làm tôi càng tin thêm giả thuyết của sử gia Duiker: Trần Văn Giàu bị điệu về Hà Nội (cuối tháng 10-1945), tướng Nguyễn Bình thay thế, không phải vì lý do chính sách mà vì cá tính của ông Giàu.¹ Chính sách độc quyền lãnh đạo và thủ tiêu lãnh tụ đối lập cũng được Nguyễn Bình tiếp tục thi hành.

Ông Giàu là người có nhiều lý tưởng và tham vọng chính trị, hy sinh cả cuộc đời trai trẻ của mình vào tù ra khám, tranh đấu cho độc lập nước nhà. Nhưng ông cũng là “một người cuồng tín” (theo lời sử gia Devillers), hành động theo phương châm “Cứu cánh biện minh cho phương tiện.” Khi khởi nghĩa chống Pháp năm 1945, ông chủ trương “tiêu thổ kháng chiến” đưa ra những khẩu hiệu: “Chùng nào Sài Gòn hóa ra tro tàn, quân Pháp mới chiếm được Sài Gòn.” “Chùng nào Nam Bộ biến thành sa mạc, quân Pháp mới chiếm được Nam Bộ.”²

¹ Duiker viết: “Dưới sự lãnh đạo của ông [Giàu] phong trào nổi dậy càng ngày càng trở thành một chính sách tàn bạo, khủng bố. Dường như [Võ Nguyên] Giáp xem vấn đề đó là do khả năng lãnh đạo cá nhân chứ không phải là chiến lược tổng thể, vì [Nguyễn] Bình được lệnh tiếp tục chiến thuật tiêu thổ” do Giàu áp dụng. (1981, tr. 117).

² Trần Tấn Quốc, *Saigon Septembre 45*, tr. 68.

Sử gia Marr, tác giả quyển *Vietnam 1945* và nhiều tác phẩm khảo sát lịch sử Việt Nam có giá trị, đã nhiều lần phỏng vấn ông Giàu.¹ Ông Marr nhận xét về ông Giàu như sau: “Khi có điều gì làm ông nổi giận, da mặt ông đen sẫm lại và đáng bộ trở nên đe dọa.” Chắc chắn tôi không phải là người đầu tiên bị ông Giàu điềm mặt.

Hành trình “tìm cha” đã làm thay đổi con người tôi. Tôi cảm thấy gần gũi ba tôi hơn, mến thương ba mẹ, anh chị nhiều hơn vì cảm thông những nỗi gian truân của từng người.

Tôi cũng tự hào là đóng góp được phần nào để làm sáng tỏ một chương lịch sử Việt Nam bị mờ phai vì che giấu hay bị bóp méo vì luận thuyết một chiều của người thắng cuộc.

Nhưng chuyện xưa hay trở về ám ảnh, làm tôi thường mất ngủ. Giấc ngủ chập chờn, tôi hay nằm chiêm bao thấy người thân đã chết trở về sinh hoạt với mình. Rồi trong giây phút có chút ý nghĩ phi lý: Giá chi ba tôi không chết sớm, có người lo lắng cho mẹ tôi, anh chị em chúng tôi, thì có thể mẹ tôi không bị bệnh đến ngày nay, anh Điền, em Chung cũng còn sống. Nhưng tôi cũng nhanh chóng trở về thực tế. Có ai sống trên đời mà không qua khổ ải. Tôi tự nhủ: ở từng tuổi này mà còn khỏe mạnh sáng suốt để soạn thảo sách vinh danh cha mẹ là điều rất quý. Tôi cảm thấy toại nguyện.

Tôi tập thói quen: mỗi lần thương tiếc ba tôi thì nhớ đến câu tưởng niệm của một người bạn học cũ của ông: “Thạch ... có tánh cang chánh xây dựng, dám nói dám làm, tiếc thay trời không cho sống để thi thố tài nghệ, nhưng bao nhiêu kia cũng đủ, mạng ấy yếu mà danh ấy thọ.” (Vương Hồng Sên, *Hơn nửa đời hư*, tr. 147).

Tôi hãnh diện có người cha tên Trần Văn Thạch.

¹ Ngày 25-3-1980, 19 và 25-3-1988, 12-2-1990 (Marr, 1995, tr. 454-456, 458.)

Trích

BIÊN NIÊN TIỂU SỬ¹

TRẦN VĂN THẠCH
(1905-1945)

Trần Văn Thạch sinh ngày 15-10-1905 tại Chợ Lớn (Thành phố Sài Gòn-Chợ Lớn, miền Nam Việt Nam) trong một gia đình tiểu công chức.

Học sinh giỏi, Thạch được học bổng vào trường Bôn quốc Chasseloup Laubat. Ngay từ lúc còn ngồi ghế nhà trường bậc Trung học, Thạch đã sinh hoạt cách mạng yêu nước, thường mở những cuộc nói chuyện chánh trị trong trường. Cùng học trường này trong thời gian đó còn có Tạ Thu Thâu, Phan Văn Hùm, Phan Văn Chánh, Hồ Hữu Tường, Dương Bạch Mai, Nguyễn Văn Tạo, và trước đó là Nguyễn An Ninh. Thâu, Thạch, Hùm, Chánh, Ninh, Mai, Tạo sau này sẽ là cột trụ của nhóm La Lutte (Tranh Đấu), một phong trào hàng đầu công khai chống chánh sách thuộc địa của Pháp tại Đông Dương.

Năm 1925, Thạch thi đậu bằng Tú Tài Pháp hạng ưu. Cuối năm, ông kết hôn với cô Nguyễn Thị Ba, trưởng nữ trong một gia đình điền chủ khá giả ở Mỏ Cày, Bến Tre. Đầu năm 1926, Thạch cùng với vợ, anh và em vợ rời Sài Gòn sang Pháp. Đến Toulouse tháng 5-1926, Thạch ghi tên học khoa Triết tại Đại học Toulouse. Không đầy sáu tuần lễ sau anh viết một bài chống chính sách thực dân Pháp ở Đông Dương đăng trên tờ *Le Midi Socialiste* (Miền Nam Xã hội Chủ nghĩa). Mật thám Pháp bắt đầu theo dõi Thạch.

Thời sinh viên tại Pháp (1926-1930)

Tháng 5-1927, tại Toulouse, Thạch cho ra tờ báo *Le Journal des Étudiants annamites* (Báo Sinh viên An Nam), cổ động: đoàn kết, tham gia hoạt động chánh trị hợp pháp để chống áp bức, bất công của chế độ thuộc địa và thể chế quân chủ quan lại, tham nhũng. Anh khẳng định lập trường theo chủ nghĩa hòa bình, chống bạo lực. Những bài đã kích chế độ thuộc địa của Thạch làm mật thám theo dõi gắt gao hơn.

Tháng 7-1927, Thạch lấy xong hai chứng chỉ Tâm lý học và Xã hội học, ban Văn khoa, Đại học Toulouse.

Tháng 9-1927, trong *Đại hội Sinh viên Đông Dương* lần đầu tiên, tổ chức tại Aix-en-Provence, Thạch được bầu làm chủ tịch đại hội. Đại hội kết thúc sau khi soạn thảo 14 bản kiến nghị yêu cầu chính quyền thuộc địa cải tổ chương trình giáo dục cho người bản xứ, mở thêm trường học, v.v.. Thạch được bầu làm Chủ tịch Ủy ban điều hành có nhiệm vụ thi hành các nghị quyết. Sự thành công của đại hội làm dư luận Pháp chú ý.

Mùa thu 1927, Thạch lên Paris tiếp tục học chương trình Cử nhân Văn chương Giáo khoa tại Đại học Sorbonne.

Tháng 11-1927, Thạch lên tiếng chống chế độ thuộc địa trong một buổi mít tinh do nhóm cộng sản

¹ Nguồn tham khảo chính: *Hồ sơ mật thám* Pháp lưu trữ tại Văn khố Quốc gia, Paris (Archives Nationales, Paris, ANP), Trung tâm Văn khố Pháp quốc Hải ngoại (Centre des Archives d'Outre-Mer, CAOM, Aix-en-Provence); các tác giả Daniel Hémerly (1975), Ngô Văn (2000); Philippe Devillers (1952); David Marr (1995); Huỳnh Kim Khánh (1982); báo *Journal des Étudiants Annamites* (Báo Sinh viên An Nam); báo *La Lutte* (Tranh đấu); *Văn kiện Đảng, Tập 6 & Tập 7*, hồi ức của bạn hữu, thân nhân.

vùng Toulouse tổ chức, có “nhiều đồng hương của ông tham dự và hoan hô nhiệt liệt.”¹

Ngày 12-12-1927, Thạch gửi thư cho Toàn quyền Đông Dương nêu lên những kiến nghị của Đại hội, khiến Tổng Giám đốc Học chính Đông Dương Thalamas bức tức, bác bỏ mọi kiến nghị. Ông không bằng lòng việc sinh viên Việt Nam dám lên tiếng đòi hỏi chính quyền thuộc địa.²

Tháng 8-1928, Thạch tiếp xúc với nhóm *Độc Lập* của Nguyễn Thế Truyền, tổ chức được Tạ Thu Thâu phục hồi sau khi Truyền về nước. Thạch cũng cho phát hành lại tờ *Journal des Étudiants annamites* và viết một bài trong số đầu tiên của *Bulletin de la Ligue anti-impérialiste* (Liên minh Phản đế), làm mật thám Pháp càng để ý đến Thạch. Nhơn dịp họ tìm thấy tên và địa chỉ của Thạch khi khám xét một số y tá quân y Việt Nam làm việc tại một bệnh viện ở Alger, thủ phủ của thuộc địa Pháp Algérie, Bộ Nội vụ Pháp chỉ thị cảnh sát trưởng vùng Thạch đang ở, theo dõi hoạt động của Thạch chặt chẽ hơn. Toàn quyền Đông Dương Montguillot muốn trục xuất Thạch về nước, nhưng *Hội Bảo Vệ Nhân Quyền và Dân Quyền* can thiệp, nhờ đó Thạch không bị trục xuất.³

Ngày 2-12-1928, Thạch chủ trì một cuộc họp khoảng 200 sinh viên và lao động Việt Nam để phản kháng bài diễn văn của Chủ tịch Tổng Hội Sinh viên Trần Văn Đốc khuyến khích hợp tác với Pháp.

Ngày 14-4-1929, *Tổng hội Sinh viên Đông Dương* họp bầu ban chấp hành mới gồm có Lê Bá Cang, Hồ Văn Ngà, Trần Văn Thạch, Hình Thái Thông, Nguyễn Văn Khải. Mặc dầu trên nguyên tắc Hội không hoạt động chánh trị, nhưng thực tế ban chấp hành mới và nhiều thành viên như Thâu, Hùm, Chánh, Tường, Phương tích cực hoạt động chống chế độ thuộc địa, đòi độc lập cho Việt Nam, bằng phương tiện báo chí, hội thảo, thuyết trình, v.v..

Tháng 5-1929, Thạch được bầu làm chủ tịch *Hội Tương tế AMI (Association mutuelle des Indochinois)*. Hội này được Bộ Thuộc địa tài trợ để đón tiếp những người Đông Dương mới tới nhưng thực ra nhằm canh chừng hoạt động của họ. Lúc đầu hội do phe cộng tác với Pháp lãnh đạo, nhưng vào khoảng 1926 thì về tay các thành phần chống Pháp.

Ngày 2-11-1929, Thạch nhận bằng Cử nhân Giáo khoa Văn chương của Đại học Sorbonne. Ông về nước đầu năm 1930.

Bước đầu tranh đấu công khai (1933-1934)

Về Sài Gòn, Thạch không hợp tác với chế độ thuộc địa. Ông sinh sống bằng nghề giáo sư Pháp văn tại các trường tư thục, trong đó có trường Lê Bá Cang, Huỳnh Khương Ninh, Chấn Thanh. Thâu, Hùm, Tường cũng dạy ở các trường này. Các thầy được nhiều học sinh quý mến, trong số học sinh này có Hoàng Đôn Trí và Trần Nguơn Phiêu. Ông Trí kể lại:

Tại trường Huỳnh Khương Ninh trong những năm 34, 35 và 36 tôi học trung học đệ nhị cấp với thầy Tạ Thu Thâu dạy môn Đạo Đức và Lịch Sử, thầy Phan Văn Hùm dạy môn Việt Văn, thầy Trần Văn Thạch dạy Pháp văn... Đó là những ông thầy thất thường và cực kỳ độc đáo. Thất thường vì các thầy vắng mặt luôn, vắng mặt vì bị ngồi tù thực dân. Độc đáo vì nhân cách ngoại hạng và đường lối mô phạm.”⁴

¹ Hémerly, 1975b, tr. 37; hồ sơ mật thám.

² McConnell, 1989, tr 64, dẫn trích tài liệu AOM-Indochine, 51527.

³ Chính Đạo (Vũ Ngự Chiểu), 1993, tr. 549, dựa trên Văn khố Pháp: Amiraux, 51527.

⁴ Hoàng Đôn Trí, “Bài nói chuyện trong buổi họp ngày 26-9-2004”, Phan Thị Trọng Tuyền dịch từ tiếng Pháp. Trong bài này ông Trí cũng thuật lại chuyện thời trai trẻ, trong dịp chủ tịch chính phủ lâm thời Việt Nam, Hồ Chí Minh sang Pháp thương nghị đầu năm 1946, các bạn bè Việt Pháp cử ông làm đại diện đến

Đầu năm 1932 Thạch cho xuất bản quyền sách giáo khoa *Học làm Pháp văn* được tờ tuần báo *Phụ Nữ Tân Văn* (ngày 28-4-1932) giới thiệu như một cuốn sách bổ ích cho học sinh lẫn người lớn, và lợi ích cho việc học Pháp văn lẫn quốc ngữ.

Năm 1935, ông cho xuất bản quyền sách giáo khoa thứ hai, *Le Français correct* để hướng dẫn học sinh trau dồi văn phạm Pháp. Sách được tái bản năm 1952. *Le Français correct* (Tiếng Pháp đúng ngữ pháp), xuất bản lần thứ nhất, hiện có trong “Bộ Suu tập quý hiếm” (ký hiệu: M8515) của Thư viện Quốc gia Việt Nam [...]

Thạch lúc nào cũng chủ trương tranh đấu công khai hợp pháp, ôn hòa bất bạo động, trên báo chí, tại nghị trường, để nhân dân có quyền tự do dân chủ căn bản; để công nhân, nông dân và lao nông không bị bóc lột; để dân nghèo được phúc lợi xã hội; để quần chúng không bị thực dân, tư sản, quan lại hà hiếp.

Trong “Giấc mơ độc đáo”, viết trên tờ *Journal des Étudiants annamites* ngày 15-12-1927, khi còn là sinh viên, Thạch tiên đoán Việt Nam sẽ được độc lập vào năm 1955, dưới chính thể Cộng hòa. Ông mơ tưởng một chế độ trong đó có hai đảng của hai nhóm lớn trong nước là đảng Lao Động và đảng Độc Lập (công nhân và tư sản) sẽ hợp tác nhau để tạo thành một xã hội công bằng, dân chủ, tiến bộ. Thạch viết:

Chương trình hành động tốt nhất mà chúng ta có thể chấp nhận được là chương trình bao gồm giải pháp cho vấn đề xã hội, vừa là giải pháp cho vấn đề quốc gia dân tộc. Trong cuộc tranh đấu đem lại tự do cho đất nước ta – một cuộc tranh đấu hòa bình theo ước vọng của tôi – sự đoàn kết của người An Nam là điều cần thiết và sự đoàn kết này chỉ thực hiện được bằng cách giai cấp tư sản An Nam tự nguyện hy sinh cho giai cấp vô sản, bằng cách chia tay nhân đạo và huynh đệ đến với họ.

Không thể ngồi yên trước sự bóc lột, đàn áp của thực dân, Ninh, Tạo, Thạch tìm cách mở rộng đấu tranh hợp pháp. (Lúc đó Tạo là ủy viên trung ương đảng Cộng sản Pháp; Ninh, Thạch không đảng phái.)

Nhơn dịp bầu cử Hội đồng Thành phố tháng 5-1933, Ninh đề nghị Tạo, Thạch ra ứng cử, dưới liên danh “Lao Động”. Đây là dịp tốt để làm giảm ảnh hưởng nhóm “Lập Hiến” thân Pháp của Bùi Quang Chiêu và khẳng định sự có mặt của lực lượng thợ thuyền trên chính trường.

Sở Lao Động cần có tờ báo trình bày cương lĩnh chính trị của mình. Thế là tờ *La Lutte* ra đời (số 1 ra ngày 24-4-1933) tiếng Pháp, vì việc xin xuất bản báo tiếng Pháp rất dễ dàng ở Nam Kỳ, thuộc địa Pháp. Chương trình của sở Lao Động là: phổ thông đầu phiếu, thực hiện luật bãi công và ngày làm 8 giờ, cơm miễn phí cho người thất nghiệp, lập nhà giữ trẻ, v.v...

Tạo và Thạch đắc cử, nhưng ngày 12-8, chính quyền thuộc địa viện có sai sót về tuổi tác, về mức thuế trực thu của ứng cử viên để hủy bỏ chức hội đồng của họ. Sau 4 số, tờ *La Lutte* tự đình bản vì thiếu phương tiện tài chánh, nhưng nhóm La Lutte đã gây được tiếng vang, mở màn cho cuộc chiến đấu công khai trên báo chí [...]

chất vấn ông Hồ tại khách sạn Lutecia về việc Tạ Thu Thâu và các đồng chí của ông bị sát hại. Hoàng Đôn Trí viết: *Câu hỏi đầu tiên của tôi là: “Thưa chủ tịch, vì sao chủ tịch giết Tạ Thu Thâu?” Sau một khoảnh khắc ngạc nhiên và bối rối tột độ vì câu hỏi quá trực tiếp và bất ngờ này, ông chủ tịch đã trả lời rằng “Tạ Thúc Thâu [...] là người tốt và đã bị giết lầm.”* Ông Trí lưu ý độc giả là Hồ Chí Minh phát âm Tạ Thúc Thâu, chớ không nói Tạ Thu Thâu.

(<http://www.tusachnghienccuu.org/essay/hdt260904.htm>)

Năm 1942, kỹ sư Hoàng Đôn Trí cùng với kỹ sư Đước và bốn người công nhân (ngày xưa là lính thợ), thành lập nhóm Cộng sản Đệ Tứ Việt Nam tại Pháp. Hoàng Đôn Trí là em của Hoàng Đôn Văn, Ủy trưởng Lao động trong Lâm Ủy Hành chánh Nam Bộ, thành lập ngày 25-8-1945.

Mặt trận thống nhất “La Lutte” (Tranh Đấu)

Mặt trận thống nhất La Lutte chính thức ra đời ngày 4-10-1934, với tờ *La Lutte* tái bản đánh số 5. Với sự hướng dẫn tinh thần của Nguyễn An Ninh, nhóm Tranh Đấu hội tụ một số trí thức Tây học trẻ, xu hướng chính trị khác nhau: Đệ Tam, Đệ Tứ, Quốc gia tả khuynh. Liên minh Đệ Tam-Đệ Tứ thời đó là một sự kiện hy hữu trong lịch sử mác-xít thế giới. Trong khi ở Liên Xô, Staline đang khủng bố những người theo chủ nghĩa Trotsky, và các đảng cộng sản Đệ Tam trên thế giới ừa theo bôi nhọ họ, thì tại Việt Nam, Đệ Tam Đệ Tứ lại bắt tay nhau. Nhưng nếu ta nhìn hành trình hoạt động chính trị của những người trong nhóm thì sẽ thấy một đặc điểm chính mình giải sự hợp tác độc nhất vô nhị này. Họ là những người yêu nước chân thành, sẵn sàng hy sinh lập trường riêng của mình cho mục đích chung [...]

Đền dịp bầu cử *Hội đồng Thành phố* tháng 5-1935, nhóm La Lutte lại ra ứng cử, cũng dưới liên danh “Lao Động”. Lần này, Thâu (khuynh hướng Đệ Tứ), Thạch (thiên Đệ Tứ) và hai đảng viên cộng sản Đệ Tam là Tạo và Mai trúng cử Hội đồng Thành phố. Nhóm La Lutte chiếm 4 ghế trong 6 ghế dành cho người bản xứ. Thạch được số phiếu cao nhất. Thực dân tìm cách hủy bỏ kết quả đắc cử của các ông, viện cớ không đủ tuổi hay không nộp thuế trực thu. Tháng 12-1936, Tối cao Pháp viện bác bỏ kết quả bầu cử của Thâu, Tạo, Mai. (Thạch đủ điều kiện, vẫn chính thức giữ chức Hội đồng.) Nhưng trong thời gian tranh tụng các ông vẫn tiếp tục hoạt động nghị trường. Tháng 4-1937, có cuộc bầu cử bổ sung 3 ghế hội đồng bị hủy bỏ. Thâu, Tạo, Mai lại ra ứng cử, và đắc cử vẻ vang.

Hoạt động báo chí và nghị trường (1935-1939)

Suốt thời gian trong Hội đồng Thành phố, từ năm 1935 đến năm 1939 (là năm ông bị chính quyền thực dân bắt, đến năm 1940 đày ra Côn đảo), Thạch thường tranh luận sôi nổi với các ông hội đồng thực dân trên tờ *La Lutte* hay tại nghị trường, kiên trì lên tiếng bênh vực quyền lợi người dân, nhất là các tầng lớp dân nghèo. Ông chống lại việc chính quyền đòi phá hủy các xóm nhà lá mà không có phương án thay thế. Ông bênh vực phu xe thổ mộ (xe ngựa), xe kéo bị cảnh sát làm khó dễ, tài xế xe buýt bị chủ bóc lột; chống tăng thuế; chống phí phạm ngân sách; chống đầu cơ làm tăng giá sinh hoạt, chống lũng đoạn của các công ty tư bản; chống điền chủ giệt đất dân. Ông đòi mở thêm trường học, nhà trẻ, nhà thương, nhà cho người lao động; đòi tăng lương cho thợ thuyền, tiểu công chức; đòi quy chế lao động: lương tối thiểu, phụ cấp thất nghiệp, v.v...¹

Ngoài nghị trường, ông còn hoạt động tích cực trong phong trào báo chí. Ngày 28-6-1936, *Hội Nhà báo Nam kỳ AJAC (Amicale des Journalistes Annamites de Cochinchine, còn gọi là Hội Liên hữu Báo giới Nam Kỳ)* được thành lập. Nguyễn Văn Sâm là Hội trưởng. Trần Văn Thạch giữ chức Tổng thư ký, một vai trò trọng yếu để thực hiện chương trình nhóm La Lutte: thay đổi cục diện báo chí trong nước, nhất là báo chí quốc ngữ.

Một trong những đóng góp quan trọng của Thạch trong phong trào báo chí tranh đấu là việc soạn thảo tập sách *Le Régime de la presse en Indochine (Chế độ báo chí tại Đông Dương)*, do HNBNK xuất bản tháng 11-1937, và được phổ biến rộng rãi tại Paris (theo *La Lutte*, số 200, ngày 19-6-1938). Tập sách tóm lược đầy đủ các sắc lệnh báo chí áp dụng tại Đông Dương từ năm 1898 đến năm 1935 và mô tả tình trạng ngột ngạt nghèo khổ đốn của báo giới.

¹ Xin đọc các bài trong chương Tiếng nói bênh vực người dân.

Vì phong trào quyết liệt đòi quyền tự do báo chí mà Thạch là một trong những nhà báo kiên trì tranh đấu, cuối tháng 8-1938, chính phủ Pháp phải nhượng bộ, ban hành sắc lệnh về tự do báo chí ở Nam Kỳ, một thắng lợi lớn cho báo giới thuộc địa.

Báo quán *La Lutte* cũng là nơi “ông Hội đồng” và nhà báo Thạch thường tiếp xúc với những người lao động, nông dân, tiểu thương, mỗi khi họ gặp khó khăn với chính quyền. Đó cũng là nơi ghé lại của những người tù chính trị vừa mãn án, trong đó có Phạm Văn Đồng và Tôn Đức Thắng.¹

Bà Phương Lan-Bùi Thế Mỹ viết về Thạch:

Trên văn đàn La Lutte, Thạch được ngưỡng mộ, ngoài dạy học, chính trường, cách mạng, Thạch được nhiều người mến kính, tôn sùng. Họ thường đến báo quán La Lutte ở số 99 đường Lagrandière để được biết mặt Thạch, tiếp xúc với Thạch là một sự vinh hạnh cho họ nhiều.² [...]

Mặt trận thống nhất “La Lutte” phân ly

Năm 1936 đánh dấu một sự đảo ngược chiến sách và chiến lược của ĐCSĐĐ, gây ngỡ ngàng hoang mang trong hàng ngũ Đảng.

Tại Đại hội QTCS lần thứ 7 (tháng 8-1935) ĐCSĐĐ được nhận là chi bộ của QTCS, Lê Hồng Phong được phong làm ủy viên Ban Chấp hành Trung ương (BCH-TU) của QTCS.

Tháng 7-1936, BCH-TU, ĐCSĐĐ họp tại Thượng Hải (Trung Quốc), Lê Hồng Phong chủ trì. Hội nghị đưa ra một số nghị quyết để phù hợp với tình hình mới và chính sách mới của QTCS: “Chiến lược cuối cùng của Đảng là chiến lược của Quốc tế Cộng sản”. Đảng tạm thời hủy bỏ các khẩu hiệu “bài phong”, “phản đế”, tạm rút khẩu hiệu đánh đuổi đế quốc Pháp xâm lược, thay bằng khẩu hiệu đánh đổ bọn phản động thuộc địa Pháp ở Đông Dương. “Không nói đến thống nhất các giai cấp vô sản và hạ bộ các giai cấp hữu sản” mà phải hô hào “giai cấp hợp tác”³ nhưng Đảng vẫn phải giữ quyền lãnh đạo.

Nhiều đảng viên bất mãn bỏ Đảng, bỏ hoạt động cách mạng, hay theo phía trótkít⁴ vì phái này vẫn giữ lập trường tranh đấu cho giai cấp vô sản, chống tư bản đế quốc Pháp từng bóc lột thuộc địa; chống tư sản bản xứ, quan quyền phong kiến từ lâu hà hiếp người dân.

Giữa năm 1936 Staline và bộ hạ bắt đầu chiến dịch thanh trừng đối lập, qua những vụ án nguy tạo tại Moscou, mà Thạch gọi là những “vụ án phù thủy.” Chính sách áp đặt của QTCS, chiến dịch thanh trừng tàn bạo của Staline, chiến lược trở cờ của ĐCSĐĐ, MTBD Pháp không đủ kiên quyết ngăn chặn thực dân đàn áp phong trào dân chủ ở Đông Dương, tất cả những sự việc đó gây phần uất trong phe trótkít ở Việt Nam, đưa đến sự bất đồng chính kiến giữa những người Đệ Tam và Đệ Tứ trong Mặt trận Thống nhất La Lutte. Trong khi phe Đệ Tứ chỉ trích QTCS, Staline, Liên Xô, và MTBD Pháp, phe Đệ Tam vẫn một lòng ủng hộ Liên Xô, QTCS và MTBD.

Vào tháng 10-1936 khi Thân, Ninh, Tạo bị ngồi tù, Thạch và một số trí thức tù trước theo lập trường quốc gia tả khuynh nay nghiêng hẳn về phe trótkít¹.

¹ Báo *La Lutte* ngày 12-9-1936 đăng lá thư ngỏ của P.V. Đồng gửi cho Bộ trưởng Bộ Thuộc địa khiếu nại việc: sau khi được trả tự do sau 6 năm ngồi tù Côn Đảo ông lại bị quản thúc về quê quán, làng Mộ Đức (Quảng Ngãi), nơi ông chỉ sinh sống lúc còn nhỏ. (Hémery, 1975, tr. 310.)

² Phương Lan-Bùi Thế Mỹ, 1974, tr.224. (đ. Lagrandière nay là Lý Tự Trọng).

³ VKĐ, *Tập 6, 1936-1939*, tr. 130, 138, 144, 147.

⁴ Duiker, 1981, tr.50, 53; Huỳnh Kim Khánh (1982, tr. 224) dựa trên một bài báo đăng trong tờ *Mặt trận đỏ*, số 10, tháng 4-1937, do ĐCSĐĐ phát hành bí mật. “Thư gửi các đảng viên” của Ban Trung ương, do Mặt thám Pháp bắt được, có ghi: *Một số đồng chí nào đó ở Nam Kỳ, vừa mới được phóng thích đã phê bình gay gắt chính sách mới của Đảng ta đối với những người quốc gia và những người cải lương.* (VKĐ, *Tập 6, 1936-1939*, tr. 164)

Thạch không ngừng chỉ trích MTBD và đảng Cộng sản (ĐCS) Pháp. Trong tập sách mỏng *Chế độ Báo chí tại Đông Dương* ông vạch ra từng trường hợp những cuộc đàn áp báo chí, kê khai các tờ báo bị đóng cửa, các nhà báo bị cầm tù hay bị trục xuất về quê quán của họ. Thạch buộc tội ĐCS Pháp đã bỏ quên quần chúng Đông Dương, không hề đề cập đến vấn đề giải phóng dân tộc thuộc địa trong thời kỳ MTBD, buộc tội những người cộng sản stalinit Pháp, mà ông gọi là “đám quan liêu mù quáng tuân theo mệnh lệnh Mạc Tư Khoa” đã kêu gọi chính quyền đàn áp những người trótkít Việt Nam mạnh tay hơn nữa. [...]

Thạch viết²:

Người ta sẽ không hiểu chính sách Cộng sản Đệ Tam Quốc tế, đặc biệt là đảng Cộng sản Pháp nếu người ta quên rằng quan điểm duy nhất của những người theo Staline là bảo vệ Liên xô. Chính quan điểm này là lý do thật sự của tất cả mọi cuộc trở mặt của họ về sau...

Ai cũng biết là Mặt trận thống nhất La Lutte đã đến ngày chung kết. Làm sao nó tồn tại được trong khi chiến dịch của Staline nhằm bôi nhọ, thanh trừng những người trótkít đã được các đảng cộng sản trên thế giới rầm rập tuân theo, như là sau khi Staline cho đăng một bài trên báo *Pravda* (Sự thật) ngày 14-2-1937, tiếp theo đó là bài diễn thuyết nẩy lửa của ông ngày 3-3 công kích chủ nghĩa Trotski, với mục đích cổ vũ phong trào tiêu diệt phái trótkít.

Liên sau đó QTCS và ĐCS Pháp thúc giục Tạo và Mai, lãnh tụ phe Đệ Tam trong Mặt trận Thống nhất La Lutte chấm dứt cộng tác với những người Đệ Tứ. [...] Bí thư Đảng Gitton gửi mật thư cho Tạo, qua một người thủy thủ cộng sản Pháp nhưng vì anh ta nhầm lẫn tên, thư đến tay Thân. Thư đề ngày 19-5-1937 (có thể đến Sài Gòn vào tháng Sáu) với chỉ thị sau đây:

Chúng tôi xét rằng không thể nào tiếp tục hợp tác giữa Đảng và những người xu hướng Trotski [...] Trong thư trước [gửi cho D.B. Mai] chúng tôi có ghi đầy đủ chỉ thị [của Moscou] mà chúng tôi đã nhận được để truyền lại các đồng chí về thái độ đối với những người trótkít ở Đông Dương.”

Đối với cả hai bên, Đệ Tam lẫn Đệ Tứ, không còn cách nào cứu vãn được tình hình. *Mặt trận Vô sản Thống nhất* tan rã đúng vào ngày 15-6-1937.³ Từ đó tờ La Lutte chính thức thành cơ quan ngôn luận của nhóm Đệ Tứ Sài Gòn.

Tình hình kinh tế, xã hội ở Đông Dương trước Thế chiến thứ hai⁴

Cuối thập niên 1930, tình hình kinh tế, xã hội ở Đông Dương rối loạn. Mặc dù nông nghiệp và công nghiệp phát triển mạnh sau thời kỳ khủng hoảng kinh tế (1929-1933), phần lớn lợi tức kinh doanh vô tay tư bản Pháp, như là trong lãnh vực khai thác cao su và mỏ than. (Nhu Công ty cao su Xuân Lộc, với số vốn 6 triệu francs năm 1937 đến năm 1939 thu lời được 8.833.000 francs.) Tư sản bản xứ ít vốn, chịu thuế cao, bị tư bản Pháp chèn ép, nhiều người bị phá sản.

Ruộng đất phần lớn thuộc tư bản Pháp và một số ít đại địa chủ, quan lại người Việt. Địa chủ cỡ vừa và nhỏ bị chủ đồn điền Pháp hoặc đại địa chủ người Việt dùng thủ đoạn lấn chiếm ruộng đất, phá hoại khiến sản xuất bị thua lỗ, phải bán ruộng hay bị tịch biên. Trong cả nước,

¹ Hémerly, 1975a, tr. 406.

² Xem bài “Ông Honel, Đảng Cộng sản Pháp và Đông Dương” (*La Lutte*, số 165, 22-8-1937) trong chương *Tiếng vọng đến trời Tây*.

Một sự kiện gây dư luận sôi nổi trên báo chí Pháp, Việt thời đó là việc ông Honel từ chối không bắt tay Thạch vì Thạch là “Trotskye”. Nhiều người cho đó là một hành động trẻ con, một “cử chỉ rất khiếm nhã.”

³ *Hồi ký Nguyễn Kỳ Nam*, tr. 20.

⁴ Đoạn này dựa theo Đinh Xuân Lâm, 2001, tr. 321-327.

khoảng 2/3 hộ nông dân không có ruộng hay ít ruộng.

Hằng năm Đông Dương phải nộp cho chính quốc một số tiền lớn: 4.127.000 đồng năm 1938, 4.765.000 năm 1939. Để đáp ứng đòi hỏi này, các sắc thuế không ngừng tăng thêm. Nhà cầm quyền thực dân giữ độc quyền bán thuốc phiện, rượu và muối, do đó thu được các số tiền rất lớn: năm 1939, hơn 19 triệu đồng qua việc bán thuốc phiện và hơn 8 triệu đồng từ tiền thuế bán rượu.

Đòi sống nhân dân vô cùng khốn khổ, nhứt là nông dân. Không đủ đất cày cấy, họ phải lĩnh canh hay làm thuê, bị địa chủ bóc lột. Liên tục mấy năm bị thiên tai, ngập lụt, năm 1937 nạn đói xảy ra gần như khắp Bắc Kỳ. Đến năm 1938, nhiều nơi ở đồng bằng Cửu long “vừa lúa” miền Nam cũng xảy ra nạn đói.

Tiểu tư sản trí thức và công nhân bị thất nghiệp nhiều. Công chức lương thấp, không đủ ăn, phải vay nợ. Lương công nhân trong những năm 1936-1938 thấp hơn so với thời kỳ đầu khủng hoảng. Tới năm 1939, tiền lương mới bằng mức năm 1931. Trong khi đó giá sinh hoạt càng ngày càng vọt lên cao, các sắc thuế và thuế suất phục vụ chiến tranh gia tăng.¹

Liên tục trên nhiều số báo *La Lutte* bắt đầu từ ngày 2-6-1939, Thạch cặn kẽ vạch ra sự bất công trong hệ thống lương bổng giữa người Pháp và dân bản xứ. Thí dụ: sau khi cộng tiền phụ cấp này nọ, một anh công chức “bậc trung” Pháp lãnh 715 đồng mỗi tháng, một anh công chức “bậc thấp” lãnh 461 đồng, trong khi một người làm công bản xứ lãnh 35 đồng! [...]

Thạch dẫn trích báo cáo của ông Trần Văn Chương, phó Chủ tịch Đại Hội đồng Kinh tế Lý tài Đông Dương: Một trong những chi tiêu lớn nhứt là tiền lương, tổng cộng là 23.231.000 đồng, hơn một phần tư tổng ngân sách năm 1939. Thạch viết:

Con số này tự nó nói lên cái lòng tham lam khủng khiếp của bọn ăn hại này trên tấm thân Đông Dương còm cõi, chúng ngấu nghiến hút đến tận xương tủy, chẳng mấy chốc sẽ không còn gì để nuôi chúng nữa.

Thạch đòi “cùng công việc, lãnh cùng lương”, “bình đẳng phụ cấp”, “hủy bỏ lương vương giả”, “giảm tiêu xài đế vương.” Ngày 22-6-1939, trên báo *La Lutte*, ngay sau khi chính quyền thực dân vừa công bố mức lương tối thiểu, Hùm và Thạch gửi thơ ngỏ phản đối với Thống đốc Nam Kỳ, cho rằng mức lương tối thiểu “chết đói” giúp tư sản lợi dụng sức lao động:

Ở vùng Sài Gòn - Chợ Lớn, mức lương là 0,50 đồng cho đàn ông, 0,38 đồng cho đàn bà, 0,27 đồng cho thiếu niên, 0,25 đồng cho thiếu nữ... Với tiền lương đó, họ không thể nào mua được những món cần thiết tối thiểu, trừ khi họ chỉ ăn cơm thừa cá cặn ở các quán vỉa hè. [...]

Chiến dịch Cộng sản Đệ Tam bôi nhọ những người Trótkít Việt Nam

Sau khi phe Đệ Tam tách khỏi nhóm La Lutte, chiến dịch xuyên tạc, bôi nhọ những người Đệ Tứ bắt đầu, phần lớn do cánh cộng sản hoạt động bí mật chỉ đạo. Họ buộc tội nhóm Đệ Tứ chia rẽ, cướp giật tờ *La Lutte*, một luận điệu mà nhiều sử gia Việt Nam (Cộng hòa Xã hội) duy trì đến ngày nay. Các sử gia này, cũng như một số đảng viên Cộng sản thời đó cũng vu khống

¹ Tờ *Tranh Đấu* viết: “Gạo trước kia 5 xu một lít, nay bán 1 cắc [10 xu]; vải trước kia 2 cắc một thước, nay bán 4 cắc; hạt gà trước kia 12 xu một chục, nay bán 3 cắc; thịt trước kia 22 xu một kilo, nay bán 35 xu. Đó là lược kê một vài món hàng thường dùng, không thể kể hết cho xiết...” (*Tranh Đấu*, số 30, tháng 7-1939)

nhóm Đệ Tứ phá hoại từ Đông Dương Đại hội, Mặt trận Bình dân, rồi đến Mặt trận Dân chủ Đông Dương (ra đời tháng 3-1938, thực chất chỉ là cái tên mới cho một mặt trận cũ bị thất bại).

Thật ra có hai lý do chính dẫn đến thất bại của các phong trào nói trên: (a) Chiến lược mặt trận liên minh giai cấp và đảng phái không phù hợp với hoàn cảnh xã hội và chính trị Việt Nam thời đó; (b) Chính quyền thuộc địa lo sợ trước phong trào quần chúng cao độ, tìm đủ mọi cách để chia rẽ các đảng phái, và làm áp lực để chính quốc can thiệp.¹

Trên mặt báo, văn kiện, báo cáo, nghị quyết của Đảng nhan nhản những lời tố cáo xuyên tạc, bôi nhọ -- càng ngày càng ác liệt -- khích động quần chúng “lột mặt nạ” “bọn phản động phát xít”, “bọn tay sai phát xít Nhật”, “bọn phá hoại, bọn tay trong cho Nhật” (báo *Dân Chúng*, số 52 và 53, hậu duệ của tờ *Le Peuple*). “Thâu, Tường, Thạch, Chánh là tay sai phát xít.”²

Từ Hà Huy Tập, Nguyễn Văn Cừ, Nguyễn Ái Quốc, Trường Chinh đến các sử gia chính thức của nhà nước Việt Nam như Trần Văn Giàu, Trần Huy Liệu, lãnh đạo cộng sản đầy mạnh chiến dịch công kích và bôi nhọ những người trótkít Việt Nam. Chiến dịch này bắt đầu từ 1937 cho đến cuối năm 1939, càng ngày càng ác liệt, ngưng trong thời gian 1940-1944 (khi cả ngàn người đủ mọi xu hướng chính trị hoạt động chống thực dân Pháp, bị Pháp bắt giam), bắt đầu lại vào năm 1945 cho đến khi toàn ban lãnh đạo Đệ Tứ bị sát hại cuối năm 1945, đầu năm 1946.

Có hai lý do chính dẫn đến chiến dịch bôi nhọ trên: (a) ĐCSĐĐ trung thành áp dụng đường lối của QTCS và Liên Xô; (b) Uy thế càng ngày càng lên cao của những người trótkít Việt Nam. Hồ sơ Mật thám Pháp tháng 1-1937 ghi:

Ảnh hưởng của những người trótkít ở Nam Kỳ thúc đẩy lãnh đạo ĐCSĐĐ đưa ra một cuộc tuyên truyền tích cực, trong hàng ngũ của họ, để chống những người Đệ Tứ. Cuối tháng rồi, Đảng cho phổ biến ở Nam Kỳ một cuốn sách luận chiến mỏng với cái tựa “Mặt nạ của Tờ-rôt-ki và Đệ tứ Quốc tế”; một luận chiến ác liệt biểu lộ sự lo sợ của tác giả.³

Tháng 3-1938, Nguyễn Văn Cừ thế Hà Huy Tập trong chức vụ Tổng bí thư. Liên sau đó lời lẽ xuyên tạc, đả kích trótkít bắt đầu hiểm độc hơn:

Chủ nghĩa trótkít đã hoàn toàn làm tay sai cho phát xít nên hội nghị nghị quyết rằng vô luận chỗ nào, nó thò đầu ra là đập ngay [...] cần phải nói cho quần chúng để ý tới sự hoạt động gian trá, linh kín của bọn trótkít để đuổi chúng ra khỏi hàng ngũ cuộc vận động thợ thuyền, phải giáo dục các tổ chức của Đảng hãy phân biệt bọn trótkít, chó săn của phát xít với thợ thuyền thành thật nhưng chưa hiểu và nóng nảy nên bị ảnh hưởng của trótkít... (“Nghị quyết của toàn thể Hội nghị của Ban Trung ương, ĐCSĐĐ, tháng 3-1938, *VKD, Tập 6*, tr. 364-365)

¹ Huỳnh Kim Khánh, 1982, tr. 223, dựa trên tài liệu *Mặt trận Dân chủ Đông Dương* của Trần Huy Liệu, một trong những lãnh đạo của Mặt trận.

“Báo cáo về tình hình ĐCSĐĐ” tháng 10-1937 có ghi: “Chánh phủ cánh tả ở Pháp không dám hành động tích cực chống lại những lực lượng phản động thuộc địa, những lực lượng này vẫn còn mạnh như trước” (*VKD*, sđd, tr. 320).

“Báo cáo gửi Ban Phương Đông” ngày 5-4-1938, có viết: “Đảng Cộng sản Đông Dương tuy hết sức bênh vực con đường chính trị của đảng Pháp, hiệu triệu quần chúng ủng hộ Mặt trận Bình dân, song bọn thống trị ở đây lại hết sức ngăn cấm việc lập Mặt trận dân chủ ở đây và phá phách công cuộc của Mặt trận Bình dân.” (*VKD*, sđd, tr. 383).

² Mật thư của TQĐĐ gửi Bộ Thuộc địa, ngày 17-12-1937, trích báo *Mặt trận đỏ*, số 11, tháng 10-1937.

³ HSMT Note périodique, Sureté Générale Indochinoise, số 48, tháng 1-1937.

Nguyễn Ái Quốc (sau này là Hồ Chí Minh) với bút hiệu P.C. Lin, gửi ba lá thư từ Quế Lâm, Trung Quốc đề ngày 10-5-1939, cho in trên tờ tuần báo công khai tiếng Pháp *Notre Voix*¹ của Đảng ở Hà Nội (ngày 23-6, 7-7 và 14-7-1939).

Bọn tởrôttxkit Trung Quốc (cũng như bọn tởrôttxkit nước ngoài) không lập thành nhóm, càng không lập thành chính đảng. Chúng chỉ là những bè lũ bất lương, những con chó săn của chủ nghĩa phát xít Nhật (và chủ nghĩa phát xít quốc tế).

Trong tất cả các nước, bọn tởrôttxkit đều dùng những tên gọi hoa mỹ để che giấu những công việc kẻ cướp bản thù của chúng. [...] Bọn tởrôttxkit không chỉ là kẻ thù của chủ nghĩa cộng sản, mà còn là kẻ thù của nền dân chủ và tiến bộ. Đó là bọn phản bội và mật thám tồi tệ nhất.

Tháng 7-1939, Nguyễn Ái Quốc ra chỉ thị:

Đối với bọn tởrôttxkit, không thể có thỏa hiệp nào, một nhượng bộ nào. Phải dùng mọi cách để lột mặt nạ chúng làm tay sai cho chủ nghĩa phát xít, phải tiêu diệt chúng về chính trị.²

Những lời phê phán và chỉ thị độc hiểm đó, từ một lãnh đạo cao cấp như Nguyễn Ái Quốc, dĩ nhiên sẽ ảnh hưởng không ít đến chiến dịch đả kích, bôi nhọ, rồi tiêu diệt những người trỏtkit Việt Nam.³

Năm 1941, trong khi một số đồng lãnh tụ Đệ Tứ ngồi tù (Thâu, Thạch, Hùm, Tường, Sớ, Sĩ ở Côn Đảo; Thử và Đào Hưng Long ở Tà Lài), Trường Chinh cũng không dung tha họ. Ông viết: “Bọn tở-rôt-kít khua môi múa mép hời hợt dân chủ Đông Dương, nay đã hoàn toàn làm chó săn cho Nhật.”⁴

Điều rất nguy hiểm là những bài báo bôi nhọ những người trỏtkit có tính cách tuyên truyền lại có tác động lâu dài trong tư tưởng của một số đồng các nhà khảo sát lịch sử hay sử gia chính thức của Việt Nam. Trong *Lịch sử 80 năm chống Pháp*⁵ Trần Huy Liệu nhại theo Nguyễn Ái Quốc: “bọn Trỏtkit, con đẻ sinh đôi và tay sai của phát xít.”

Cho đến nay không có bằng cứ nào chứng minh những người trỏtkit Việt Nam “làm tay sai cho chủ nghĩa phát xít”, nhưng báo chí sách vở CHXH Việt Nam vẫn theo lập luận trên, trừ một tiếng nói minh bạch can đảm gần đây. Trong quyển *Tổng quan lịch sử báo chí cách mạng Việt Nam* xuất bản năm 2010,⁶ có đoạn:

Khi Quốc tế Cộng sản, Đảng Cộng sản Liên Xô và một số Đảng Cộng sản nói tởrôttxkit là tay sai của chủ nghĩa phát xít, Đảng Cộng sản Đông Dương cũng nói tởrôttxkit ở Việt Nam là tay sai của

¹ HSMT, “Note sur la propagande révolutionnaire”, tháng 2-1939, cho biết ĐCSĐD được tòa Tổng lãnh sự Trung Quốc tại Hà Nội giúp “phương tiện tài chánh không nhỏ” nhờ đó mà Đảng có thể cho ra tờ *Notre Voix*. Tổng lãnh sự Trung Quốc cũng thường xuyên trợ cấp phí tồn điều hành cho các tờ báo tuyên truyền cộng sản có khả năng vận động chống Nhật.

² *Hồ Chí Minh Toàn tập, Tập 3*, tr. 138, “Những chỉ thị mà tôi nhớ và truyền đạt” viết vào năm 1939.

³ Tác động của những bài báo đó được tướng Võ Nguyên Giáp nhắc lại năm 2007, nhân dịp kỷ niệm 100 năm ngày sinh nhật của Trường Chinh (lãnh đạo phong trào Mặt trận Dân chủ ở Bắc Kỳ giai đoạn 1936-1939): “*Những bức thư đó đã có tác dụng chỉ đạo rất lớn đối với sự lãnh đạo của Đảng ta lúc bấy giờ.*” (Báo điện tử ĐCS Việt Nam, http://123.30.190.43:8080/tiengviet/tulieuvankien/tulieuvedang/details.asp?topic=1&subtopic=104&leader_topic=174&id=BT820736987)

⁴ Trường Chinh, *Tuyển Tập*, Hà Nội, 1987. (Nguồn: Báo điện tử ĐCS Việt Nam http://123.30.190.43:8080/tiengviet/tulieuvankien/tulieuvedang/details.asp?topic=168&subtopic=463&leader_topic=&id=BT2961136584).

⁵ Xuất bản lần đầu tiên tại Hà Nội những năm 1957-1961, tái bản năm 2003, được giải thưởng Hồ Chí Minh.

⁶ Đào Duy Quát, Đỗ Quang Hưng và Vũ Duy Thông, 2010, tr. 133.

đế quốc Pháp và phát xít Nhật. Thực tế lịch sử cho ta biết nhận định ấy *không hoàn toàn đúng ở Việt Nam*. Sau cuộc đại khủng bố của chính quyền thực dân phát xít hóa năm 1939, một số torótxkit vào tù, đi đày, tập trung ở trại; một số trốn chạy về các vùng nông thôn ẩn mình. Ra tù do hết hạn hoặc được Nhật tha sau ngày 9-3-1945, torótxkit cũng không làm tay sai cho Nhật. Huỳnh Văn Phương, một phần tử torótxkit có tên tuổi, làm Phó Giám đốc Công an Nam Bộ dưới quyền điều khiển của Nhật sau ngày 9-3-1945, nhưng có liên lạc với cách mạng, đưa nhiều vũ khí của Nhật, cung cấp tin tức mật của chúng cho ta.

Thế lực của phái Đệ Tứ

Mặc dù thiếu Thâu và mất Tường, nhóm La Lutte vẫn tiếp tục tăng cường thế lực dưới sự lãnh đạo của Hùm và Thạch. Tháng 6-1938, bộ biên tập La Lutte có thêm được bảy cộng tác viên mới.¹

Nhóm La Lutte vẫn giữ uy tín cao trong Hội Báo giới Nam Kỳ. Lo ngại ảnh hưởng của những người Đệ Tứ trong báo giới, nhóm stalinít Le Peuple muốn thành lập một hội nhà báo riêng theo xu hướng Đệ Tam, nhưng không thực hiện được.² Uy tín của những người Đệ Tứ cũng không qua mắt ĐCSĐĐ:

Ở Nam Kỳ chúng có ảnh hưởng rất lớn trong đám trí thức; ở Sài Gòn - Chợ Lớn thế lực của chúng trong công nhân lại không kém Đảng Cộng sản nữa. . .

Ở Trung, Bắc, báo chí quốc văn rất có ít cảm tình với bọn tởrótkit, còn ở Nam Kỳ này, báo chí chữ Tây và quốc ngữ rất ít cảm tình với Đảng Cộng sản, mà nhiều tờ lại công khai ủng hộ bọn tởrótkit. Nhân khi nhóm Le Peuple mở cuộc mít tinh ngày 28-11-1937, gần hết các báo ở đây đều chửi cộng sản mà ca tụng tởrótkit; khi vụ xử Bukharin, Rukóp, v.v.. ngày 3-3 vừa rồi ở Mátxcova, các báo ở Sài Gòn (trừ báo Cộng sản!) đều đồng thanh chửi Liên Xô... (“Báo cáo 6 tháng gửi Ban Phương Đông, QTCS” từ tháng 9-1937 đến 3-1938, *VKD, Tập 6*, tr. 378-380).

Kể từ 1938, tình hình chính trị quân sự thế giới thay đổi nhanh chóng. Trước sự mềm yếu của các chính phủ Tây phương, các lực lượng phát xít ở Âu châu và Á châu chuyển sang thế tấn công. Ở Pháp chính phủ Mặt trận Bình dân bị đổ. Tháng 4-1938, nội các Daladier phái hữu lên cầm quyền. Chính phủ này vừa chuẩn bị chiến tranh vừa ra tay xóa bỏ những cải cách đạt được thời kỳ Mặt trận Bình dân.

Trên hai tờ *La Lutte* và *Tranh Đấu*, Thạch và Hùm viết nhiều bài đã kích dữ dội chính sách hữu khuynh “thiên phát xít” của Daladier và chiến dịch “phòng thủ Đông Dương” mà hai ông cho rằng sẽ dẫn đến quần chúng thuộc địa càng bị bóc lột, nhứt là giới thợ thuyền.

Quả nhiên, với nguy cơ chiến tranh bùng nổ ở Âu châu, vào tháng 5-1938, chính phủ Pháp ra nghị định tuyền mộ 20.000 dân bản xứ để đưa sang Pháp phục vụ guồng máy chuẩn bị chiến tranh. Qua năm 1939, nhà cầm quyền thuộc địa ban hành trái phiếu vay 44 triệu đồng, gọi là để “phòng thủ Đông Dương.” ĐCSĐĐ ủng hộ chương trình này và cũng không chống đối việc tuyền mộ lính.³ Ngày 2-6-1937, báo *Tranh Đấu* đã kích chính quyền thuộc địa với bài “Phòng thủ Đông Dương hay là giữ tù sắt cho tư bản.” [...]

¹HSMT Notice tháng 6-1938; HSMT “Note sur la propagande révolutionnaire” tháng 2-1939.

²Báo cáo Mật thám Pháp, tháng 7-1938.

³HSMT, Notice tháng 6-1938.

Ngày 29-10-1938, ĐCSĐĐ đưa ra *Tuyên ngôn*: “Chúng tôi kêu gọi các tầng lớp nhân dân, các đảng phái dân chủ Tây, Nam, các đoàn thể, các cá nhân hãy khăng khít đoàn kết nhau xung quanh Mặt trận dân chủ Đông Dương, để vì tự do hòa bình và cơm áo mà tranh đấu phòng thủ xứ sở.” (*VKD, Tập 6*, tr.433-434).

Cuộc bầu cử Hội đồng Quản hạt tháng 4-1939

[...] Cử tri Pháp bầu chung nghị viên của họ, còn cử tri Việt bầu theo vùng. Nam Kỳ được chia ra thành 5 vùng, mỗi vùng bầu 2 nghị viên thực thụ và một nghị viên dự khuyết. Vùng 2 gồm Thành phố Sài Gòn-Chợ Lớn và hai tỉnh Tân An, Mỹ Tho là vùng quan trọng nhất. [...]

Ba đảng phái quan trọng ra tranh cử ở vùng 2. “Sổ Tranh Đấu” của Thâu, Hùm, Thạch nêu khẩu hiệu “*Mặt trận công nông*”, chống quỹ quốc phòng, chống tăng thuế, chống cưỡng bách tuyển mộ lính, chống đế quốc Pháp lẫn Nhật. “Sổ Dân Chúng” với Ninh, Tạo, Mai kêu gọi “*Mặt trận Dân Chủ*”, cổ động thông nhứt lực lượng dân chủ để chống phát xít Nhật, phòng thủ Đông Dương, đòi quyền tự do dân chủ (Báo *Dân Chúng* ngày 26-4-1939). “Sổ Lập Hiến” của Vương Quang Nhường, Lê Quang Liêm, Nguyễn Đăng Liêm, Huỳnh Văn Chín, đưa ra khẩu hiệu “*Ròng Nam phun bạc*” cũng hưởng ứng chương trình phòng thủ Đông Dương, mộ lính, mua công trái.

Phe Đệ Tam thổi phồng hiểm họa Nhật bôn để biện hộ chủ trương phòng thủ Đông Dương của họ:

... Những trận mưa đạn và những hơi độc mà một ngày kia, quân Nhật sẽ mang đến mà rải... Súng thần công của Nhật sẽ bắn nát các làng xóm, đô thị của chúng ta; máy bay của Nhật sẽ phân thành ngàn miếng xương thịt của đồng bào ta. Với tình thế ấy, với thời cuộc này, chỉ có bọn vỡ lòng chánh trị mới đã đảo phái Đệ Tam, vì phái Đệ Tam hết sức lo ngại cho sự còn mất của nòi giống dân Việt Nam mà ủng hộ quốc phòng. (Báo *Dân Chúng*, ngày 1-4-1939).

Đệ Tam đã tính sai ván cờ. Họa Nhật chưa thấy, nhưng sau 65 năm dưới ách đô hộ, bị thực dân Pháp và tư sản quan liêu bản xứ bóc lột, thuế má chồng chất, nay lại phải nộp thêm “thuế quốc phòng”, cử tri trí thức, tiểu chủ và tiểu tư sản đã lên tiếng phản đối những đảng phái mà họ cho là cộng tác với chính quyền vì ủng hộ phòng thủ thuộc địa Đông Dương. Sổ Tranh Đấu đại thắng với 80% số thăm. Sổ Dân Chúng của phe Đệ Tam thất bại nặng, chẳng những thua phái trótkít mà còn thua cả phe Lập Hiến nữa. [...]

Bên thêm chiến tranh, thực dân đàn áp

Rồi một sự kiện đột ngột làm đảo lộn tình hình Âu châu, một cú sấm làm các đảng viên cộng sản hoang mang bối rối: Ngày 23-8-1939, Đức Quốc xã và Liên Xô ký hiệp ước bất tương xâm. Ngày 1-9, Đức xâm chiếm Ba Lan; 3-9, Pháp và Anh tuyên chiến với Đức; 17-9, Liên Xô chiếm một phần Ba Lan; 27-9, Đức và Liên-Xô thỏa thuận về việc chia cắt Ba Lan.

Ngày 26-9-1939, chính phủ Pháp ra sắc lệnh giải tán và cấm mọi hoạt động của các tổ chức cộng sản. Ngày 28-9, TQĐĐ ký nghị định ban hành sắc lệnh đó ở Đông Dương. Ngày 29-9 mật thám tiến hành vây ráp khắp nơi trong toàn xứ. Chỉ trong vòng khoảng một tuần có 176 người bị bắt giam trong đó 55 người xu hướng Trotsky và 121 người theo phái Staline (kể cả những người ủng hộ quốc phòng) vì tội “tập họp bất hợp pháp” hay chỉ bị tình nghi có “đính liú với các cơ quan cộng sản”; phần đông là các nhà báo, nhà hoạt động chính trị, hội viên các hiệp hội ái hữu, công đoàn.¹

¹ HSMT, Notice tháng 10-1939; Ngô Văn, 2000, tr. 261.

Ngày 1-10-1939, Toàn quyền Catroux ra lệnh động viên. Tổng cộng khoảng 80.000 lính Việt Nam sẽ bị đưa sang Pháp. Ngày 10-11 ông ra nghị định tăng giờ làm việc lên từ 60 đến 72 giờ mỗi tuần. [...]

Tù đày Côn Đảo (1940-1943)

Thạch bị bắt ngày 29-9-1939, cùng ngày với Chánh, Mai, Tường. Kế đó Ninh, Tạo, Nguyễn, Số bị bắt ngày 5-10. Thâu được Toàn quyền Đông Dương cho phép xuất ngoại để trị bệnh.¹ Tháng 8-1939, ông lên tàu xuất dương, đến Singapour thì chiến tranh bùng nổ ở Âu châu. Thâu bị chính quyền Anh bắt và trả về Sài Gòn, giao cho mật thám Pháp ngày 19-10.

Tòa buộc tội Thạch viết bài trên báo *La Lutte* chống quỹ quốc phòng. Ngoài ra theo sự dõm của sở Mật thám Thạch cũng là tay chủ mưu trong các cuộc tranh đấu của thợ thuyền.² Nhiều tờ báo thời đó nhắc đến câu hỏi của Chương lý và câu trả lời của Thạch. Chương lý: “Ông cho việc đòi bãi bỏ quỹ quốc phòng không có tính cách phá hoại chính phủ hay sao?” Thạch: “Tôi nghĩ rằng xứ tôi quá nghèo không chịu nổi cái gánh nặng như vậy.” [...]

Thạch đi Côn Đảo ngày 10-12-1940, cùng một chuyến tàu với Ninh, Thâu, Hùm, Tường, Số, Tạo, Mai, Nguyễn, và nhiều nhà trí thức, hoạt động cách mạng, chính trị khác như Nguyễn Bảo Toàn, Võ Công Tồn, Lê Hồng Phong. Thạch bị giam cùng khám với Ninh, Tồn và Số ở Banh 3. Những người kia cũng ở Banh 3 nhưng khác khám. [...]

Vào tháng 3-1940 nhà tù Côn Đảo có 2290 tù nhân, nhưng đến tháng 9-1941 thì số tù tăng lên đến 4204, rồi vài năm sau lên đến 6000 người. Năm 1941, Quản đốc tù phải cho dựng thêm một tầng sạp gỗ trong 6 khám ở Banh 2 mới có đủ chỗ giam tù mới.

Chế độ cấm cố đày đọa khắc nghiệt -- bị đánh đập thường xuyên, phòng giam chật ních, bản thiu, ăn uống thiếu thốn, thức ăn chính là cá khô, nhiều khi đã mục rã -- làm hao mòn sức khỏe, gây nhiều bệnh cho tù nhân, nhứt là tù chính trị. Năm 1942, hai bệnh truyền nhiễm ngặt nghèo hoành hành lây lan; đó là bệnh kiết lỵ và bệnh ghẻ hờm. Bệnh ghẻ thường xuất hiện ở chân, lan nhanh trên khắp thân thể suy nhược của người tù, làm đau nhức, kiệt sức rất nhanh. Nhà tù thiếu thuốc, tù bệnh chẳng được chữa trị gì. Tính từ giữa năm 1941 đến cuối năm 1943, hai bệnh này, nhứt là bệnh kiết lỵ, giết chết khoảng 3000 người tù trong đó có rất nhiều tù chính trị.³ [...]

Trần Văn Thạch mang số tù C9771, mãn án ngày 1-10-1943, thoát “địa ngục trần gian”, lòng nặng trĩu với bao nhiêu mất mát. Nhiều người ra Côn Đảo cùng chuyến tàu với ông không bao giờ trở lại đất liền. Nguyễn An Ninh, một người ông từng quý mến, mất ngày 14-8-1943. Trần Văn Sĩ chết năm 1941, 34 tuổi; Lê Hồng Phong năm 1942, 40 tuổi; Võ Công Tồn năm 1942, 51 tuổi. Thời đó dân gian có câu:

Côn Nôn đi dễ khó về.

Già đi bỏ xác, trai về nắm xương.

Mãn án tù, nhưng còn mang án biệt xứ, Thạch bị quản thúc tại Cần Thơ. Ông đi dạy học tại Lyceum Bassac và sống chung với con cái trong một căn phố nhỏ gần trường. Giờ rảnh rỗi ông

¹ Mật điện TQĐĐ Catroux (thay thế Brévié tháng 8-1939) gửi Bộ Thuộc địa ngày 19-9-1939.

² Nguyễn Kỳ Nam, báo *Thần Chung*, ngày 25-3-1950.

³ Nguyễn Đình Thống và nhiều tác giả, 2010, tr. 173.

thường tiếp xúc giới lao động nghèo như phu xe, nông dân, tiểu thương, buôn gánh bán bưng để tìm hiểu đời sống của họ. [...]

Biến cố lịch sử năm 1945

Việt Nam dưới ách Nhật-Pháp

[...] Ngày 22-9-1940, Nhật tấn công Lạng Sơn; ba ngày sau quân Pháp và lính bản xứ đầu hàng. Nhật xua quân vô Bắc Kỳ. Ngày 27-9-1940, Phát xít Đức Ý Nhật ký *Hiệp ước Liên minh*. Decoux chọn chính sách thỏa hiệp với Nhật để duy trì quyền lợi Pháp ở Đông Dương. Ngày 9-12-1940, Pháp ký hiệp ước gọi là “phòng thủ chung” với Nhật, với các điều khoản quan trọng sau đây:

Trong suốt thời kỳ quân đội Nhật chiến đấu, nhà cầm quyền Pháp ở Đông Dương phải bảo đảm trật tự xã hội trên toàn cõi Đông Dương để hậu phương quân Nhật được an toàn. [...]

Nhà cầm quyền Pháp ở Đông Dương phải giúp mọi sự dễ dàng cho việc hành binh, việc cung cấp lương thực và bố trí doanh trại cho quân Nhật đồn trú trên toàn cõi Đông Dương.¹

Chủ quyền Đông Dương đã vào tay quân phiệt Nhật, nhưng họ không lật đổ bộ máy hành chính và quân sự của Pháp. Ý đồ của Nhật là vừa che giấu bộ mặt xâm lược của mình vừa “tận dụng bộ máy cai trị của thực dân Pháp để khai thác tối đa tài nguyên Đông Dương.”² [...]

Cả Nhật lẫn Pháp thực hiện chính sách vừa bóc lột vừa mị dân. Hai bên ngầm ngầm tranh nhau lôi kéo quần chúng. Nhật đưa ra chiêu bài “Khởi thịnh vượng chung Đại Đông Á”, “Đông Nam Á của người Á Đông”. Pháp hô hào “Liên Bang Đông Dương”, “Việt-Pháp phục hưng”. Decoux cho thi hành một số biện pháp nhằm lôi cuốn thành phần thanh niên, trí thức, quan lại như: nâng cao uy tín của vua chúa, bổ nhiệm người Việt vào một số chức vụ hành chánh cao cấp (một phần là vì do chiến tranh, Pháp không gọi người sang thuộc địa được); mở thêm trường học; đẩy mạnh phong trào thanh niên.

Bắt đầu từ năm 1942, ở Nam Kỳ, cơ quan tình báo an ninh *Kempetei* của Nhật với sự cộng tác của một số thương gia và chính khách Nhật có cảm tình với Việt Nam³ ra sức giúp phục hồi hay thành lập một số tổ chức không cộng sản. Theo Patti, các tổ chức “nổi bật nhất” là nhóm trótkít, *Phục Quốc, Đại Việt*, các giáo phái *Cao Đài* (của Trần Quang Vinh), *Hòa Hảo* (của Huỳnh Phú Sổ), và *Thanh niên Tiên phong* do Phạm Ngọc Thạch lãnh đạo.⁴ Ngày 10-3-1945, Hồ Văn Ngà, Trần Văn Ân và Nguyễn Văn Sâm thành lập đảng *Việt Nam Quốc gia Độc lập* (VNQGĐL) sáp nhập các phần tử trong đảng *Phục quốc* do Ân thành lập từ cuối năm 1942; Ngà làm Chủ tịch, Phạm Ngọc Thạch Tổng thư ký.

Năm 1944, Thế chiến thứ hai bước vào giai đoạn cuối. Nhật thua nhiều trận chiến ở Thái Bình Dương. Ở Pháp, Đồng Minh đổ bộ lên Normandie ngày 6-6. Tháng 8, Paris được giải phóng, De Gaulle lên cầm quyền, vẫn còn tham vọng nắm giữ thuộc địa Đông Dương. Ngày 1-2, ông lập ra Lực lượng Viễn chinh Pháp ở Viễn Đông để chuẩn bị tái chiếm Đông Dương, và chỉ thị tướng Mordant ở Việt Nam chuẩn bị lực lượng chống Nhật.

Để phòng hờ trường hợp Đồng Minh đổ bộ và để trực tiếp tăng cường phòng thủ Đông Dương, ngày 9-3-1945, Nhật lật đổ chính quyền Pháp, bắt giam Toàn quyền Decoux, hai

¹ Dương Trung Quốc, 2005, tr. 318.

² Nguyễn Khắc Viện, 2007, tr. 303.

³ Như Matsushita Mitsuhiro, chủ hãng buôn Đại Nam Công ty (Dainan Koosi), từng hoạt động tình báo ở Việt Nam từ thập niên 1930; nhà văn Komatsu Kiyoshi, một người mãnh liệt chống chế độ thực dân và Komaki Oomi, phụ trách Viện Văn hóa Nhật ở Hà Nội (Marr, sđd, tr. 36, 85-86.)

⁴ Patti, 1980, tr. 184.

tướng Mordant và Aymé, và các quan chức cao cấp trong chính quyền thực dân. Tám mươi năm đô hộ Pháp sụp đổ trong một đêm. Một “*con sói độc lập*” (lời Vũ Ngự Chiêu) lan tràn khắp xứ.

Học giả Trần Trọng Kim được Nhựt đưa sang Singapour, rồi Bangkok để tránh sự lũng bắt của mật thám Pháp năm 1944, nay được đưa về nước để thành lập chính phủ mới, ra mắt ngày 17-4-1945, gồm trí thức và chuyên gia từ ba miền Bắc, Trung, Nam. Theo sử gia Vũ Ngự Chiêu, chương trình hoạt động của chính phủ T.T. Kim bao gồm nhiều lãnh vực: hiến chương; chống đói; cải cách giáo dục, tư pháp, thuế má, v.v... Nhưng hai thành đạt đáng kể nhất của chính phủ T.T. Kim là nỗ lực “*bảo trợ tham gia sinh hoạt chính trị của đám đông*” và “*đoàn kết quốc gia*”, mặc dù điều kiện hoạt động rất khó khăn: áp lực bên ngoài và chia rẽ nội bộ.

Nhóm Tranh Đấu tái lập

Vài ngày sau khi Nhựt đảo chánh, Tạ Thu Thâu và Đỗ Bá Thế đến Cần Thơ tìm Thạch để thảo luận chương trình hành động. Rồi một ngày nọ, Trần Văn Ân đến tìm Thạch. Ân và Thạch quen biết từ thời sinh viên ở Pháp; trở về Sài Gòn thường tới lui thăm viếng mặc dù khuynh hướng chính trị khác nhau. Hai người cùng lên Sài Gòn thăm dò tình hình. Tại đây Thạch kết nối được với các đồng chí Thâu, Hùm, Sô, Chánh, Thử, v.v... Nhóm Tranh Đấu tái lập vào khoảng tháng 5-1945. Họ cố gắng thành lập đảng *Thợ thuyền Xã hội Việt Nam* phối hợp hoạt động thợ thuyền Nam, Bắc vào một phong trào tranh đấu chung.

Thâu và Thế ra Bắc để liên hệ các nhóm Đệ Tứ ở miền Bắc. Khi nghe tin Nhựt đầu hàng, Thâu hồi hải lên đường trở về Nam, nhưng bị Việt Minh bắt và giết ở Quảng Ngãi. Sử gia Hammer và McAlister cho rằng lính bắt Thâu đến từ Hà Nội và chính Trần Văn Giàu có trách nhiệm về cái chết của Thâu.¹ Nhưng ông Giàu quả quyết không phải ông vì lúc đó người trách nhiệm là ông Hoàng Quốc Việt được đảng cử ra thay ông.”²

Theo sử gia Marr, có thể Hà Nội cho đảng viên ĐCS theo dõi Thâu và họ chọn Quảng Ngãi, một nơi “hỗn loạn, đẫm máu” để dễ bề thủ tiêu ông. (Người theo dõi Thâu rất có thể là Hoàng Quốc Việt, cũng rời Hà Nội cùng thời gian với Thâu và đến Sài Gòn tối ngày 2-9.) Tin Thâu bị giết gây sững sốt và xúc động mạnh trong tất cả mọi tầng lớp trí thức xu hướng chính trị khác nhau. Một số người nghi rằng ĐCSĐĐ đã có danh sách những nhân vật sẽ bị sát hại.³

Thạch và Hùm chung vai lãnh đạo nhóm Tranh Đấu với sự hỗ trợ của Chánh, Thử và Sô. Họ cho tái bản tờ *Tranh Đấu* vào khoảng tháng 8-1945. Số ấn bản cao từ 15.000 đến 20.000.⁴ Mặc dù là một nhóm nhỏ nhưng họ có ảnh hưởng mạnh đối với các chánh đảng, giáo phái. Với truyền thống một tổ chức chính trị hoạt động công khai, nhóm Tranh Đấu không bao giờ có ý định thành lập một lực lượng vũ trang. Họ từ chối không nhận vũ khí hoặc trực tiếp từ tay người Nhựt hay qua các đảng phái được Nhựt tiếp tế vũ khí.

¹ Hammer, 1966, tr. 110; McAlister, 1971, tr. 192.

² Mùa hè năm 1989, nhân dịp qua Pháp, ông Giàu có gặp một số người Việt tại Paris. “Khi hỏi về việc ai đã giết Tạ Thu Thâu ở Quảng Ngãi, ông Giàu quả quyết không phải ông vì lúc đó người trách nhiệm là ông Hoàng Quốc Việt được đảng cử ra thay ông (Hoàng Khoa Khôi, “Ai đã ám sát Tạ Thu Thâu và những người Trốt-kít Việt Nam”, *Hồ sơ Đệ Tứ Quốc tế Việt Nam*, Tập 1. Paris: 2000.)

³ Marr, 1995, tr. 435.

Nhà văn Nguyễn Hiến Lê viết: “Ngày đó [10-10], chúng tôi lại được tin Tạ Thu Thâu bị giết ở Quang Ngãi trên đường từ Huế về Sài Gòn. Tôi xúc động mạnh vì tôi rất quý ông ta. Ông gốc ở Long Xuyên, du học Pháp về, sống rất giản dị, rất bình dân, khắp thành phố Long Xuyên không ai không vừa trọng vừa yêu, nhất là giới thợ thuyền. Căn nhà của ông gần Cầu Máy, một khu lao động, tuy bằng gạch nhưng nhỏ hẹp, xấu xí.” (Hồi ký *Nguyễn Hiến Lê*, 2006, tr. 325)

⁴ Ngô Văn, tr. 306.

Việt Minh nắm chính quyền

Ngày 6-8, Mỹ thả trái bom nguyên tử đầu tiên xuống Hiroshima; ngày 9-8 thả trái thứ hai xuống Nagasaki. Ngày 15-8, Nhật đầu hàng vô điều kiện. [...]

Ngày 19-8, Việt Minh lên nắm chính quyền ở Hà Nội.¹ Trong Nam, ít ai biết đến tổ chức này. Người ta chỉ bắt đầu nghe đến hai chữ “Việt Minh” từ ngày 21-8 khi truyền đơn được rải khắp Sài Gòn hô hào: “*Chánh quyền về Việt Minh!*” Tối hôm đó lãnh đạo cộng sản công khai giới thiệu chương trình Việt Minh với quần chúng tại rạp Nguyễn Văn Hảo.

Lực lượng Việt Minh ở Nam Bộ lúc đó rất yếu và hoàn toàn do T.V. Giàu điều khiển.² Giàu viết: “So với Mặt trận quốc gia thì tổ chức của họ là 10 còn tổ chức của ta chỉ được vài ba mà thôi.”³ Giàu tìm cách thay đổi tình thế. Ngày 20-8 ông yêu cầu được gặp lãnh đạo Mặt trận.⁴ Trong buổi đàm phán với các lãnh tụ MTQG ngày 22-8, ông khôn khéo đưa ra lập luận: Dưới mắt Đồng Minh, một số đảng phái trong MTQG do người Nhật sáng lập và hỗ trợ, điều này có thể làm giảm cơ hội được Đồng Minh công nhận Việt Nam độc lập, một lý lẽ khó bác bỏ. MTQG nên sát nhập với MTVM vì Mặt trận này có tiếng là một phong trào toàn quốc, chống Nhật, tranh đấu cho độc lập.

Các lãnh tụ MTQG bàn cãi gay go về việc cộng tác với ĐCSĐD dưới ngọn cờ Việt Minh. P.V. Hùm trong nhóm Tranh Đấu được đề cử tiếp tục thương thuyết bí mật với Việt Minh. Ông đề nghị MTVM nhập vào MTQG, nhưng Việt Minh từ chối, đưa ra lập luận là MTVM đã có trước MTQG và đã từng cự chiến với quân đế quốc Nhật.⁵ Ngày 23-8, Hùm trở lại báo cáo với MTQG và phát biểu ý kiến: ông chống đối mọi liên kết với MTVM.⁶

Nhưng tình thế bắt buộc MTQG theo con đường ngoài ý muốn. Trong buổi đại hội của MTQG ngày 22-8, vắng mặt Phạm Ngọc Thạch, thủ lĩnh TNTP. Ngày chiều hôm đó, TNTP tuyên bố gia nhập MTVM. Về sau người ta mới biết là P.N. Thạch đã bí mật gia nhập ĐCSĐD khoảng tháng 5-1945.⁷ Mất lực lượng bán quân sự có kỷ luật nhất, có ảnh hưởng nhất trong quần chúng, sức mạnh của MTQG đã bị phân liệt. Ngày 24-8 báo *Hung Việt*, tiếng nói chính thức của MTQG, đăng tin MTQG sẽ hợp tác với MTVM.⁸ [...]

Ngày 30-8-1945, năm ngày sau khi nắm chính quyền, Chủ tịch LUHC T.V. Giàu triệu tập một cuộc hội nghị khoáng đại tại tòa Thị sảnh Sài Gòn (tòa Đô chính) có đủ các đảng phái chính trị trong MTVM và nhiều ký giả tham dự, khoảng 30 người, trong đó có T.V. Thạch, P.V. Hùm, H.P. Sở, Nguyễn Bảo Toàn (VNQĐD), Hà Huy Tín (Đại Việt), và Huỳnh Văn Phương (Nhóm Trí thức). [...]

¹ Việt Minh là tên gọi tắt của *Việt Nam Độc lập Đồng minh* tụ tập nhiều hội đoàn quần chúng dưới sự lãnh đạo của ĐCSĐD, thành lập vào tháng 5-1941, sau Hội nghị lần thứ 8 của Ban Chấp hành Trung ương ĐCSĐD, do Nguyễn Ái Quốc triệu tập và chủ trì tại Pắc Bó.

² Devillers, 1952, tr. 140; nguyên văn: “Ils n’y sont qu’une poignée, entièrement dominée par Tran Van Giàu”.

³ Phan Văn Hoàng (chủ biên), *Sài Gòn mùa thu 1945*, 2005, tr. 32.

⁴ Duiker, *Hồ Chí Minh*, tr. 315; Patti, 1980, tr. 186.

⁵ Báo *Tin Điện*, ngày 28-2-1946.

⁶ Marr, 1995, tr. 457, dẫn trích Colton, 1969, tr. 267.

⁷ T.V. Giàu viết trong *Sài Gòn, mùa thu 1945*, tr. 34 (Phan Văn Hoàng, chủ biên): “Nhật ở Nam Kỳ mời bác sĩ Phạm Ngọc Thạch ra tập hợp thanh niên (tất nhiên Nhật nhằm nắm thanh niên và chuẩn bị lực lượng cho chiến tranh). Nhật chỉ biết Thạch là trí thức lớn, lại là dân Tây, vợ đảm, ruộng nhiều, có vườn cà phê lớn, có bệnh viện riêng ... Nhật hoàn toàn không biết Thạch đã được kết nạp vào Đảng Cộng sản. Thạch xin ý kiến chỉ đạo của Thường vụ Xứ ủy, Xứ ủy đồng ý cho Thạch đứng ra tổ chức thanh niên.

⁸ Ngô Văn, sđd, tr. 319.

Sự có mặt của Hùm và Thạch, hai lãnh tụ trọng yếu của nhóm Tranh Đấu trong buổi họp ngày 30-8 chứng tỏ rằng nhóm này cũng như các chính đảng giáo phái quốc gia đều mong muốn có một sự hợp tác thành thật với Mặt trận Việt Minh. [...]

Thạch cũng có mặt trong “Ủy ban ngoại giao” do Ủy trưởng Ngoại giao, bác sĩ Phạm Ngọc Thạch cấp tốc tổ chức khi được tin phái bộ Anh sắp tới Sài Gòn. Ngoài Trần Văn Thạch, ủy ban này còn có Huỳnh Văn Phương, Phan Văn Chánh và bà Hồ Vĩnh Ký tức bác sĩ Nguyễn Thị Ngọc Sương.¹ (Cả bốn nhân vật này đều bị Việt Minh sát hại trong tháng 9 và 10-1945.) Người ta không khỏi đặt câu hỏi: Tại sao đảng viên cộng sản Phạm Ngọc Thạch lại chỉ định một lãnh tụ Đệ Tứ và những người có cảm tình với Đệ Tứ vào “Ủy ban ngoại giao”? “Hay là cộng sản Đệ Tam phải tuyển lựa nhân sĩ có tài để ra nói chuyện với phái bộ Đồng Minh nên không ngại họ là nhóm Đệ Tứ?” (Nhà báo Nguyễn Kỳ Nam viết.) Hay sự lựa chọn này chỉ nằm trong chiến lược dùng người tùy thời cơ của Giàu: “*Tôi vẫn cho rằng phải phân biệt bạn cũ, bạn mới, bạn xa, bạn nhất thời bạn lâu dài. [...] Các lãnh tụ có thể là bạn lâu thời hay lâu dài, có thể là bạn gần hay bạn xa.*”² Rất có thể vì cả hai lý do.

Trong buổi họp cải tổ LUHC, nhóm Tranh Đấu cũng có tham dự. Hoàng Quốc Việt (Ủy viên Trung ương ĐCSĐD) và Cao Hồng Lãnh (đại biểu Tổng bộ Việt Minh) tới Sài Gòn ngày 2-9, buộc Giàu cải tổ LUHC. Đêm 7-9, họ triệu tập một hội nghị Việt Minh mở rộng, mời một số lãnh tụ các đảng phái như Phan Văn Hùm, Dương Văn Giáo, Hồ Văn Ngà, Huỳnh Phú Sổ; và một số nhân sĩ không đảng phái như Phạm Văn Bạch, Từ Bá Hòa, Nguyễn Văn Thủ, v.v... Tất cả gần 25 người dự buổi họp đó.³ [...]

Cải tổ Lâm Ủy chỉ là một việc làm tượng trưng. UBNN vẫn nằm trong tay Việt Minh và ĐCSĐD. Hội nghị cán bộ Bắc Kỳ của Đảng ngày 10 và 11-9-1945 đưa ra nguyên tắc căn bản: Đảng độc quyền điều khiển Mặt trận Việt Minh.⁴

Những ngày cuối cùng của nhóm Tranh Đấu

Nhóm Tranh Đấu chủ yếu hoạt động công khai, không bao giờ chủ trương phải có lực lượng võ trang. Trong những ngày kháng chiến chống Pháp tháng 9 và 10, năm 1945, các chiến sĩ công nhân Tranh Đấu tổ chức một lực lượng tự vệ nhỏ, tự tìm vũ khí.

Sau khi mặt trận nội thành tan rã, công nhân võ trang nhóm Tranh Đấu kéo về đóng quân tại một ngôi đình ở Xuân Trường, cách Thủ Đức vài cây số. Dưới đây là tường thuật của một anh chiến sĩ trẻ có nhiệm vụ bảo vệ Ủy ban Trung ương (UBTU) Tranh Đấu đến ngày cuối cùng. Anh may mắn thoát khỏi hai làn đạn – một bên là quân Anh-Pháp càn quét, bên kia là Việt Minh Cộng sản sẵn lòng – để sau đó lưu vong sang Pháp viết báo cáo gửi về Văn phòng Đệ Tứ Quốc tế ở Paris năm 1948.⁵

Ngày 23-9, sau khi Ủy ban Kháng chiến Nam Bộ ra lệnh tản cư (“Ai còn ở lại Sài Gòn là Việt gian, sẽ bị bắt và trừng trị.”) UBTU Tranh Đấu tản mát khắp nơi; chiến sĩ thợ thuyền của họ hoặc di tản, hoặc sáp nhập vào các sư đoàn dân quân.

¹ Trần Tấn Quốc, sdd, tr. 23-24; *Hồi ký Nguyễn Kỳ Nam*, tr. 224.

² *Hồi ký Trần Văn Giàu*, tr. 290-291.

³ Sacks, 1949, tr. 71, 148.

⁴ Devillers, tr. 143.

⁵ Comrade P. “My First Steps towards the Permanent Revolution” (Những bước đầu của tôi tiến tới cách mạng thường trực), đã dẫn.

Trong tổng số 11 người của UBTU chỉ có 7 người có mặt tại bản doanh: Thạch, Hùm, Chánh, Hòa (Ứng Hòa), Lợi, Số, Thử. “Lính tráng” chỉ có 30 người, do một anh hạ sĩ quan cũ của quân đội Pháp chỉ huy. “Ban Chỉ huy” Tranh Đấu chỉ tồn tại có 12 ngày, nhưng những ngày lịch sử đó đã ghi sâu trong ký ức anh chiến sĩ trẻ. Một nhóm người thành phần xã hội khác nhau cùng sống chết cho lý tưởng chung.

Căn cứ của nhóm Tranh Đấu nằm ở phía Bắc Sài Gòn, trong khu vực do Sư đoàn 2 của Vũ Tam Anh (Nguyễn Ngọc Nhẫn) và Sư đoàn 3 của Nguyễn Hòa Hiệp kiểm soát. Cả hai người thuộc MTQG, có thiện cảm với nhóm Tranh Đấu. Phía Tây Bắc, vùng Thủ Dầu Một do Quốc gia Tự vệ cuộc của D.B. Mai kiểm soát. Phía Nam Sài Gòn là nơi đóng quân của sư đoàn 1 Việt Minh.

Người dân địa phương có cảm tình với nhóm Tranh Đấu. Họ kính nể và cảm phục lý tưởng và hành động của “nhóm người cách mạng đầy lòng hy sinh”. Họ tiếp tế củi, gạo và lương thực, mặc dù trước đó từ ngày 7-9, T.V. Giàu đã cho dán thông cáo khắp trụ sở làng xã kêu gọi quần chúng hãy đề phòng “bọn khuấy rối... làm hại quốc dân làm hại tổ quốc”. Anh lính trẻ không được biết ban chỉ huy của anh và chính quyền Việt Minh thương lượng thế nào, chỉ thấy đồng chí Chánh thường bị Việt Minh kêu đến hạch hỏi.

Tin tức càng ngày càng nguy kịch: Quân Pháp của tướng Leclerc đã đổ bộ vô Việt Nam. Sư đoàn 2 gồm các toán bán quân sự Cao Đài do Vũ Tam Anh chỉ huy, xáp trận với quân Đồng minh bị nhiều tổn thất phải rút lui. Trong lúc đó ở hậu phương, chính quyền Việt Minh tìm cách giải tán sư đoàn này, rao tin chỉ huy trưởng sư đoàn là “kẻ phản quốc.” V.T. Anh và lãnh tụ Cao Đài T.Q. Vinh bị Việt Minh bắt nhốt ở Chợ Đệm.

Các đồng chí Chánh, Số, Lợi đi công tác mỗi người một nẻo, ngày giờ khác nhau, đều mất tích. (Lợi bị Việt Minh ám sát ở Cần Giuộc.) Kế đó các chiến sĩ Đệ Tứ được lệnh chuẩn bị ra trận. Đồng chí Hùm rời căn cứ đi về hướng Đông-Bắc để chuẩn bị một căn cứ thứ hai cho các chiến sĩ rút về sau trận đánh. Ông Hùm cũng mất tích. (Có thể Hùm rời Thủ Đức cùng một số đồng chí về Tân Uyên, quê của ông, vì theo Phan Kiêu Dương, con của Phan Văn Hùm, thì công an Việt Minh bắt ông tại Tân Uyên, và từ đó mất tích luôn. Nhà văn Nguyễn Hiến Lê kể lại: ngày 10-10, trên đường di tản, ông nghe một người dân địa phương nói là ông Hùm đã bị giết rồi.¹)

Đồng chí Thạch là người chót trong UBTU Tranh Đấu còn ở lại bản doanh đến ngày cuối cùng. Năm giờ rưỡi sáng, một ủy viên công an Cộng sản cùng với 10 tên Quốc gia Tự vệ súng ống cầm tay, đến bản doanh Tranh Đấu lục soát khắp nơi, thu lượm mọi thứ, tước khí giới các anh chiến sĩ trẻ, bắt họ nghe tuyên truyền, lời lẽ xuyên tạc, rồi sau đó bắt đồng chí Thạch dẫn đi. (Theo Ngô Văn, công an của D.B. Mai bắt giam Thạch, Chánh, Số, rồi chuyển họ qua Thủ Dầu Một.)

Một ngày nọ, trong bung biền Đồng Tháp, Xuyết (nhóm Đệ Tứ Liên Minh) tình cờ gặp Minh (biệt hiệu Minh Lợi: đoạt giải bơi lội thời Decoux), cựu chiến sĩ nhóm Tranh Đấu, lúc đó đang chỉ huy một toán du kích tự phát. Minh báo hung tin: Thạch, Chánh, Số, Tiên (cựu quản lý tờ Tranh Đấu), bác sĩ Sương, và một số người cùng bị giam, tất cả khoảng 30 người, bị thủ

¹ *Hồi ký Nguyễn Hiến Lê*, 2006, tr. 324-325.

hạ của Dương Bạch Mai đem ra bắn miệt Bến Súc, Thủ Dầu Một khi lính Anh-Ấn chiếm tỉnh này. Đó là ngày 23-10.¹

Một di vật đau buồn nhưng cũng là một nguồn an ủi cho gia đình của Thạch là quyển sổ nhỏ cầm tay mà một người học trò cũ sau bao năm lận lộn tìm được gia đình Thạch và trao tận tay cho vợ ông. Ông viết vội vàng, lật nhanh các trang giấy mỏng (có hai trang dính chập vào nhau, bỏ trống); nhưng lời văn mạch lạc, ngắn gọn ông nhắc nhủ vợ con, và sau cùng gởi gắm các con cho người anh cả. Phía trong bìa sau quyển sổ có ghi ngày ông bị bắt, viết bằng tiếng Pháp: *Arrêt 11-10-45*. Cuối di bút có một hàng số ghi đậm nét: *22-10-45*. Gia đình lấy ngày đó làm giỗ cho ông. [...]

Hậu quả của chính sách độc quyền lãnh đạo: “tiêu diệt tiềm lực”

Chính sách độc quyền lãnh đạo cách mạng của ĐCSĐD được các lãnh tụ Cộng sản miền Nam thi hành triệt để sau cuộc khởi nghĩa tháng Tám 1945, bằng cách diệt trừ các lãnh tụ đối lập và luôn cả những phần tử có lập trường “đáng ngờ”² (theo khẩu hiệu “*giết lầm còn hơn bỏ sót*”). Chính sách này đã phân hóa và làm giảm yếu lực lượng kháng chiến. Sau khi rút về Cái Bè, Mỹ Tho, Ủy ban Nam Bộ chỉ còn có các đảng viên Cộng sản. Họ cầu viện với Cao Đài. Cao Đài không lên tiếng. Hòa Hảo rồi cũng sẽ ly khai với Việt Minh. Đệ tam sư đoàn của Nguyễn Hòa Hiệp đã bỏ hàng ngũ Việt Minh. Theo lời sử gia Devillers: “Sự cuồng tín và bạo hành của Giàu đã mang đến cho ông ta nhiều mối tử thù.”³ Bảy Viễn, thủ lĩnh đảng cướp Bình Xuyên mà Giàu đã kéo được về phía Việt Minh (như các thủ lĩnh Bình Xuyên khác: Ba Dương, Tám Mạnh, Mười Trí), sau khi biết được Việt Minh đã sát hại một số nhân vật trọng yếu, liền cho người sẵn lòng giết Giàu. Đó cũng là lúc Giàu được gọi ra Hà Nội. Ông và bác sĩ Thạch lên đường ra Bắc khoảng hạ tuần tháng Mười [...]

Nhiều tác giả cho rằng T.V. Giàu bị điệu về Hà Nội để “kiểm thảo” vì hành động thái quá của ông trong việc thanh trừng các đảng phái đối lập. “Thái quá” có thể không phải là lý do chính⁴ vì về sau Trường Chinh, Tổng Bí Thư đảng, phê phán lãnh đạo khởi nghĩa tháng Tám ở Bắc lần Nam đã không “thăng tay trừ hậu họa”. Ông “tiếc rằng việc trừ phản động của Cách mạng tháng Tám không thi hành được đầy đủ trong phạm vi cần thiết.”⁵ [...]

Những người Cộng sản Đệ Tam chính thống như Nguyễn Văn Cừ, Trường Chinh, Trần Huy Liệu, Trần Văn Giàu bị ảnh hưởng bởi chiến dịch xuyên tạc của Staline đối với những người Đệ Tứ nên xem họ như “kẻ thù hết sức nguy hiểm” nhưng thực chất những người Đệ Tứ Việt Nam không chủ trương bạo động, như sự kiện lịch sử đã cho ta thấy: Tuy có cơ hội, họ quyết định không tổ chức một lực lượng võ trang. Trong hoàn cảnh bắt buộc phải chiến đấu chống Pháp, họ hy sinh, nhưng khi trình sát của Dương Bạch Mai đến vây bắt họ đều chọn giải pháp tránh đổ máu, tương tàn.

¹ Ngô Văn, *Au Pays de la cloche fêlée*, tr. 189; Việt Nam: 1920-1945, tr. 351; Devillers, sđd, tr. 164.

² Devillers, 1950, tr. 166: “épurer la Résistance de tous les éléments douteux.”

³ Devillers, 1950, tr. 166: “Le fanatisme et les violences de Giàu lui ont valu des inimitiés mortels.”

⁴ Lý do chính rất có thể là bản chất độc lập của ông dẫn đến mâu thuẫn chính sách, chiến lược giữa ông và Trung ương Đảng, như việc Xứ ủy Tiền phong của ông không cùng khẩu hiệu với Xứ ủy Giải phóng của Trung ương, ông không tổ chức lực lượng du kích ở nông thôn như ngoài Bắc, ông không bằng lòng về việc Trung ương đòi giải tán Thanh niên Tiền phong, v.v...

⁵ *Trường Chinh Tuyển Tập*, Nxb Sự Thật, 1987, T1, tr. 126-204 (Trích từ tài liệu đăng trên mạng *Báo Điện tử Đảng Cộng sản Việt Nam*). (<http://dangcongsan.vn/cpv/index.html>)

Như Trần Văn Ân đã nhận xét: Thâu, Hùm, Thạch là “những nhà ái quốc thành tâm, và đồng thời cũng là người xã hội chân chính.” Ông Ân dẫn trích Jean Jaurès (một người theo chủ nghĩa hòa bình và là người có công trong việc sáng lập Đảng Xã hội Pháp) để giúp thế hệ mai sau hiểu được hành trình chính trị của những người Đệ Tứ Việt Nam: “Beaucoup d’internationalisme ramène à la patrie”. Thâu, Hùm, Thạch đã ý thức tới nơi tới chốn “học thuyết quốc tế” để trở về gần với tổ quốc mình hơn.¹

Họ là những người chuộng hòa bình, tránh bạo lực. Chính trường là nơi tranh đấu. Tiếng nói, ngòi bút là vũ khí để bình vực người dân, chống bạo quyền, thay đổi chế độ.

Cách mạng Tháng Tám thường được nhắc lại là một điểm vinh quang trong lịch sử kháng chiến Nam Bộ, nhưng nó cũng mang một cái tang rất lớn cho nhân dân: cả một tầng lớp nhân sĩ, trí thức yêu nước bị giết chết ở tuổi trung niên, ở tuổi còn nhiều tiềm lực đóng góp cho đất nước. Hậu quả thảm khốc của một chính sách độc quyền lãnh đạo trong tay những người với bản chất độc tài, hung bạo, tư tưởng cực đoan.

¹ “Chuyện già chuyện trẻ: Cụ Trần Văn Ân và tôi” (Nguyễn Hoài Vân, 1989).
(www.nguyenhoaiivan.com)